

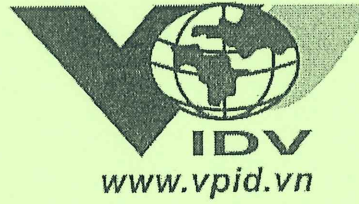


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

Địa chỉ: KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc

ĐT: (0211) 3720945 - Fax: (0211) 3845944

Email: idv@vpid.vn - Website: vpid.vn



KẾT QUẢ ONLINE TRẠM QTTĐ THÁNG 12/2023

KCN KHAI QUANG – VĨNH YÊN – VĨNH PHÚC

Vĩnh Phúc, tháng 12 năm 2023

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

National Technical Regulation on Industrial Wastewater

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xả nước thải công nghiệp ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2.2. Nước thải công nghiệp của một số ngành đặc thù được áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia riêng.

1.2.3. Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo quy định của đơn vị quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh từ quá trình công nghệ của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp), từ nhà máy xử lý nước thải tập trung có đầu nối nước thải của cơ sở công nghiệp.

1.3.2. Nguồn tiếp nhận nước thải là: hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư; sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; hồ, ao, đầm; vùng nước biển ven bờ có mục đích sử dụng xác định. *ba*

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải

2.1.1. Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải được tính toán như sau:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f$$

Trong đó:

- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1;

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ;

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải;

2.1.2. Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C$ (không áp dụng hệ số K_q và K_f) đối với các thông số: nhiệt độ, màu, pH, *coliform*, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

2.1.3. Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung thì áp dụng giá trị $C_{max} = C$ quy định tại cột B Bảng 1.

2.2. Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được quy định tại Bảng 1

Bảng 1: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50

QCVN 40: 2011/BTNMT

5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	pH	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	0	1	12	2023	16.11	5.56	6.7	27.31	896.63	0.08	2.27	258.19	79.28	337.48
KhaiQuang	1	1	12	2023	16.1	4.66	6.69	27.25	23.04	0.08	2.25	311.59	0	311.59
KhaiQuang	2	1	12	2023	16.12	6.17	6.69	27.24	773.05	0.09	2.24	312.84	200.25	513.09
KhaiQuang	3	1	12	2023	16.12	5.16	6.68	27.24	380.68	0.09	2.23	313.34	199.75	513.09
KhaiQuang	4	1	12	2023	16.12	5.02	6.7	27.19	158.55	0.08	2.23	313.18	200.28	513.47
KhaiQuang	5	1	12	2023	16.14	5.45	6.67	27.18	767.29	0.08	2.24	288.02	192.95	480.97
KhaiQuang	6	1	12	2023	16.13	4.75	6.72	27.12	67.17	0.09	2.22	312.98	192.25	505.23
KhaiQuang	7	1	12	2023	16.12	5.07	6.69	27.12	653.38	0.09	2.23	312.08	174.62	486.7
KhaiQuang	8	1	12	2023	16.15	5.65	6.68	27.07	354.08	0.09	2.22	311.51	190.43	501.94
KhaiQuang	9	1	12	2023	16.16	5.54	6.68	27.07	614	0.09	2.21	309.53	63.38	372.91
KhaiQuang	10	1	12	2023	16.12	5.05	6.64	27.03	396.82	0.09	2.22	282.88	174.25	457.12
KhaiQuang	11	1	12	2023	16.16	5.61	6.65	26.96	301.23	0.09	2.21	307.54	190.12	497.66
KhaiQuang	12	1	12	2023	16.13	5.29	6.65	27.01	905.57	0.09	2.21	282.44	79.44	361.88
KhaiQuang	13	1	12	2023	16.13	4.59	6.66	26.93	20.33	0.09	2.21	306.78	158.42	465.21
KhaiQuang	14	1	12	2023	16.15	6.49	6.67	26.89	750.44	0.09	2.21	307.77	190.17	497.93
KhaiQuang	15	1	12	2023	16.16	5.73	6.66	26.86	333.26	0.09	2.2	286	190.07	476.07
KhaiQuang	16	1	12	2023	16.17	5.27	6.68	26.8	156.53	0.09	2.21	312.11	174.07	486.17
KhaiQuang	17	1	12	2023	16.15	5.39	6.67	26.76	787.59	0.09	2.22	315.19	189.82	505.01
KhaiQuang	18	1	12	2023	16.14	4.73	6.7	26.69	156.34	0.09	2.22	313.84	126.75	440.59
KhaiQuang	19	1	12	2023	16.13	5.05	6.68	26.65	650.36	0.09	2.23	315.32	189.82	505.13
KhaiQuang	20	1	12	2023	16.16	5.62	6.67	26.56	387.36	0.09	2.24	281.91	190.08	471.98
KhaiQuang	21	1	12	2023	16.16	5.26	6.68	26.55	597.14	0.09	2.24	316.98	189.96	506.94
KhaiQuang	22	1	12	2023	16.12	4.74	6.65	26.54	368.35	0.09	2.25	308.14	190.25	498.39
KhaiQuang	23	1	12	2023	16.16	5.43	6.67	26.45	286.99	0.09	2.24	314.36	190.24	504.6
KhaiQuang	0	2	12	2023	16.14	5.45	6.68	26.47	900.89	0.09	2.25	262.97	79.15	342.12
KhaiQuang	1	2	12	2023	16.15	4.63	6.68	26.39	24.3	0.09	2.25	304.35	0	304.35
KhaiQuang	2	2	12	2023	16.16	6.23	6.69	26.36	776.68	0.09	2.25	311.7	142.62	454.32
KhaiQuang	3	2	12	2023	16.18	5.07	6.66	26.35	409.62	0.09	2.26	302.32	189.87	492.18
KhaiQuang	4	2	12	2023	16.17	4.98	6.68	26.3	160.07	0.09	2.27	309.13	190.28	499.42
KhaiQuang	5	2	12	2023	16.16	5.4	6.67	26.26	755.44	0.09	2.28	279.12	190.13	469.26
KhaiQuang	6	2	12	2023	16.17	4.8	6.73	26.12	34.33	0.09	2.28	307.86	79.03	386.89
KhaiQuang	7	2	12	2023	16.15	4.91	6.73	26.19	645.86	0.09	2.3	299.39	0	299.39
KhaiQuang	8	2	12	2023	16.19	5.59	6.7	26.1	359.43	0.09	2.3	303.02	79.17	382.2
KhaiQuang	9	2	12	2023	16.2	5.51	6.72	26.06	594.09	0.09	2.29	296.65	189.76	486.41
KhaiQuang	10	2	12	2023	16.15	4.91	6.7	26.13	396.68	0.09	2.3	282.61	174.41	457.02
KhaiQuang	11	2	12	2023	16.18	5.1	6.74	25.96	148.94	0.09	2.28	310.87	190.18	501.06
KhaiQuang	12	2	12	2023	16.15	4.95	6.74	26.14	699.99	0.09	2.28	305.84	189.64	495.48
KhaiQuang	13	2	12	2023	16.16	4.7	6.73	26.02	20.34	0.09	2.28	308.92	190.12	499.04
KhaiQuang	14	2	12	2023	16.18	6.31	6.76	26.01	768.85	0.09	2.27	308.57	190.16	498.73
KhaiQuang	15	2	12	2023	16.2	5.25	6.76	26.01	418.05	0.09	2.27	295.33	126.9	422.23
KhaiQuang	16	2	12	2023	16.2	5.09	6.76	25.99	155.26	0.09	2.26	303.89	190.06	493.95
KhaiQuang	17	2	12	2023	16.19	5.5	6.76	26.04	814.08	0.09	2.27	307.12	190.01	497.13
KhaiQuang	18	2	12	2023	16.2	5.09	6.81	25.85	258.24	0.09	2.26	306.73	189.18	495.92
KhaiQuang	19	2	12	2023	16.15	5.1	6.8	26.01	624.63	0.08	2.28	307.94	187.54	495.48
KhaiQuang	20	2	12	2023	16.19	5.58	6.8	25.95	373.72	0.09	2.28	280.15	169.76	449.91
KhaiQuang	21	2	12	2023	16.19	5.22	6.81	25.92	543	0.09	2.27	306.84	169.53	476.38
KhaiQuang	22	2	12	2023	16.14	4.72	6.8	26.02	364.71	0.08	2.28	308.93	170.2	479.13
KhaiQuang	23	2	12	2023	16.19	5.55	6.82	25.88	293.58	0.09	2.27	311.36	169.97	481.33
KhaiQuang	0	3	12	2023	16.16	5.53	6.83	25.97	896.83	0.08	2.27	283.83	98.9	382.73
KhaiQuang	1	3	12	2023	16.18	4.72	6.83	25.9	21.49	0.08	2.27	309.25	170.24	479.49
KhaiQuang	2	3	12	2023	16.2	6.6	6.85	25.9	761.42	0.08	2.27	307.15	170.03	477.18

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	3	3	12	2023	16.2	5.11	6.85	25.94	361.27	0.08	2.27	282.26	70.77	353.03
KhaiQuang	4	3	12	2023	16.2	4.98	6.85	25.9	150.83	0.08	2.26	307.86	113.2	421.06
KhaiQuang	5	3	12	2023	16.2	5.53	6.84	25.96	789.23	0.08	2.26	307.69	170.07	477.76
KhaiQuang	6	3	12	2023	16.22	5.14	6.87	25.83	160.6	0.09	2.24	304.48	170.67	475.14
KhaiQuang	7	3	12	2023	16.17	5.06	6.87	25.96	630.13	0.08	2.25	304.6	170.21	474.81
KhaiQuang	8	3	12	2023	16.2	5.44	6.86	25.89	315.32	0.08	2.26	276.12	169.83	445.94
KhaiQuang	9	3	12	2023	16.21	5.24	6.89	25.86	420.05	0.08	2.23	0	70.97	70.97
KhaiQuang	10	3	12	2023	16.17	4.84	6.86	26	385.43	0.08	2.24	0	0	0
KhaiQuang	11	3	12	2023	16.23	5.57	6.89	25.87	283.28	0.09	2.23	78.88	42.48	121.37
KhaiQuang	12	3	12	2023	16.22	5.15	6.92	25.88	446.41	0.09	2.22	314.27	157	471.27
KhaiQuang	13	3	12	2023	16.22	4.78	6.94	25.88	13.28	0.09	2.22	310.29	170.17	480.46
KhaiQuang	14	3	12	2023	16.21	5.2	6.94	25.87	384.03	0.09	2.22	311.85	156.01	467.86
KhaiQuang	15	3	12	2023	16.2	5.01	6.93	25.85	22.34	0.09	2.22	285.92	169.72	455.64
KhaiQuang	16	3	12	2023	16.21	5.01	6.95	25.82	148.88	0.09	2.21	314.19	170.02	484.21
KhaiQuang	17	3	12	2023	16.22	5.61	6.91	25.88	811.67	0.08	2.22	314.86	170.04	484.9
KhaiQuang	18	3	12	2023	16.24	4.9	6.9	25.75	215.27	0.09	2.22	312.17	70.84	383.01
KhaiQuang	19	3	12	2023	16.19	5.12	6.91	25.85	606.32	0.08	2.24	309.31	0	309.31
KhaiQuang	20	3	12	2023	16.22	5.54	6.9	25.75	373.46	0.08	2.25	281.17	0	281.17
KhaiQuang	21	3	12	2023	16.22	5.17	6.92	25.67	525.81	0.08	2.23	303.29	70.89	374.18
KhaiQuang	22	3	12	2023	16.19	5.2	6.89	25.86	375.16	0.08	2.25	75.78	169.96	245.74
KhaiQuang	23	3	12	2023	16.21	5.13	6.92	25.72	11.79	0.08	2.24	0	169.8	169.8
KhaiQuang	0	4	12	2023	16.2	5.21	6.92	25.84	650.47	0.08	2.25	157.55	70.83	228.38
KhaiQuang	1	4	12	2023	16.19	4.8	6.92	25.74	19.58	0.08	2.25	311.46	127.87	439.32
KhaiQuang	2	4	12	2023	16.22	5.34	6.94	25.64	349.54	0.08	2.23	310.33	169.98	480.3
KhaiQuang	3	4	12	2023	16.23	5.09	6.94	25.57	173.88	0.08	2.23	282.8	70.8	353.6
KhaiQuang	4	4	12	2023	16.23	5.35	6.96	25.59	145.58	0.08	2.25	304.63	0	304.63
KhaiQuang	5	4	12	2023	16.22	5.88	6.96	25.71	772.06	0.08	2.27	302.64	13.72	316.36
KhaiQuang	6	4	12	2023	16.22	4.88	7.02	25.51	121.09	0.08	2.25	124.95	168.22	293.17
KhaiQuang	7	4	12	2023	16.2	5.05	7.02	25.67	629.03	0.08	2.26	0	170	170
KhaiQuang	8	4	12	2023	16.2	5.03	7	25.64	81.58	0.08	2.27	0	169.88	169.88
KhaiQuang	9	4	12	2023	16.21	5.3	7.02	25.49	225.19	0.08	2.25	157.44	70.82	228.27
KhaiQuang	10	4	12	2023	16.19	5.09	7.04	25.65	45.45	0.08	2.26	312.35	56.78	369.13
KhaiQuang	11	4	12	2023	16.22	5.96	7.03	25.53	281.62	0.09	2.24	311.67	169.98	481.64
KhaiQuang	12	4	12	2023	16.18	5.22	6.99	25.53	408.19	0.09	2.22	314.17	185.72	499.89
KhaiQuang	13	4	12	2023	16.17	4.76	7	25.56	12.03	0.09	2.22	312.07	190.47	502.54
KhaiQuang	14	4	12	2023	16.17	5.19	6.99	25.66	482.36	0.08	2.23	314.63	190.02	504.65
KhaiQuang	15	4	12	2023	16.15	4.84	6.94	25.68	235.19	0.08	2.24	263.94	190.27	454.21
KhaiQuang	16	4	12	2023	16.16	4.86	6.96	25.55	149.48	0.08	2.23	318.32	189.97	508.28
KhaiQuang	17	4	12	2023	16.2	6.52	6.94	25.65	830.93	0.09	2.25	318.93	0	318.93
KhaiQuang	18	4	12	2023	16.2	5.02	6.94	25.47	255.14	0.09	2.23	319.82	95.06	414.88
KhaiQuang	19	4	12	2023	16.19	5.85	6.94	25.63	617.11	0.08	2.27	320.34	190.38	510.72
KhaiQuang	20	4	12	2023	16.23	8	6.94	25.53	401.77	0.09	2.3	292.08	190	482.08
KhaiQuang	21	4	12	2023	16.2	5.62	6.99	25.4	604.73	0.09	2.27	317.06	204.86	521.92
KhaiQuang	22	4	12	2023	16.19	4.96	6.95	25.63	375.48	0.09	2.31	320.36	210.89	531.25
KhaiQuang	23	4	12	2023	16.23	5.54	6.97	25.47	294.39	0.09	2.28	316.54	229.84	546.38
KhaiQuang	0	5	12	2023	16.22	5.61	6.95	25.58	923.73	0.09	2.28	292.59	153.7	446.29
KhaiQuang	1	5	12	2023	16.23	4.79	6.93	25.52	22.98	0.09	2.28	316.06	230.12	546.18
KhaiQuang	2	5	12	2023	16.24	6.36	6.95	25.51	780.09	0.09	2.26	318.16	230.02	548.18
KhaiQuang	3	5	12	2023	16.26	5.34	6.95	25.48	450.03	0.09	2.25	309.8	165.75	475.55
KhaiQuang	4	5	12	2023	16.25	5.03	6.96	25.47	148.74	0.09	2.24	317.58	229.97	547.55
KhaiQuang	5	5	12	2023	16.24	5.74	6.94	25.58	852.99	0.09	2.27	280.46	230.38	510.83

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	6	5	12	2023	16.26	5.01	6.95	25.44	284.02	0.09	2.24	315.67	38.43	354.11
KhaiQuang	7	5	12	2023	16.22	5.06	6.94	25.57	623.57	0.09	2.28	312.03	142.43	454.46
KhaiQuang	8	5	12	2023	16.26	5.95	6.94	25.51	381.12	0.09	2.29	309.2	190.01	499.21
KhaiQuang	9	5	12	2023	16.27	5.37	6.96	25.46	601.38	0.09	2.27	307.68	79.26	386.94
KhaiQuang	10	5	12	2023	16.22	5.11	7.03	25.56	401.07	0.09	2.33	282.48	0	282.48
KhaiQuang	11	5	12	2023	16.24	5.28	6.99	25.42	276.87	0.09	2.28	307.84	174.24	482.08
KhaiQuang	12	5	12	2023	16.23	5.81	6.97	25.56	827.28	0.09	2.3	310.53	189.55	500.08
KhaiQuang	13	5	12	2023	16.26	5.69	6.99	25.5	20.54	0.09	2.29	308.52	190.12	498.64
KhaiQuang	14	5	12	2023	16.27	6.49	7.03	25.51	691.18	0.09	2.27	311.85	189.89	501.74
KhaiQuang	15	5	12	2023	16.24	5	7.03	25.55	260.79	0.09	2.28	287.31	126.46	413.77
KhaiQuang	16	5	12	2023	16.26	5.1	7.08	25.5	146.57	0.09	2.25	316.04	190.33	506.38
KhaiQuang	17	5	12	2023	16.25	6.15	7.07	25.53	833.51	0.09	2.27	290.25	190.24	480.49
KhaiQuang	18	5	12	2023	16.23	4.95	7.1	25.4	257.07	0.09	2.25	315.35	142.57	457.92
KhaiQuang	19	5	12	2023	16.21	5.17	7.1	25.51	621.29	0.09	2.31	313.99	174.17	488.16
KhaiQuang	20	5	12	2023	16.24	5.89	7.1	25.44	383.1	0.09	2.32	287.59	190.36	477.95
KhaiQuang	21	5	12	2023	16.22	5.31	7.12	25.38	509.64	0.09	2.3	314.01	126.85	440.86
KhaiQuang	22	5	12	2023	16.2	5.21	7.09	25.51	385.49	0.09	2.36	314.69	189.82	504.52
KhaiQuang	23	5	12	2023	16.24	5.66	7.11	25.4	290.3	0.09	2.25	314.87	189.83	504.7
KhaiQuang	0	6	12	2023	16.19	5.96	7.09	25.45	906.87	0.09	2.25	290.45	158.43	448.88
KhaiQuang	1	6	12	2023	16.19	4.62	7.09	25.4	25.2	0.09	2.2	316.1	190.26	506.36
KhaiQuang	2	6	12	2023	16.2	6.22	7.1	25.39	751.96	0.09	2.08	313.92	190.32	504.24
KhaiQuang	3	6	12	2023	16.2	5.06	7.11	25.36	370.32	0.09	2.07	312.57	79.19	391.76
KhaiQuang	4	6	12	2023	16.21	4.99	7.11	25.33	145.31	0.09	2.14	309.57	0	309.57
KhaiQuang	5	6	12	2023	16.19	5.62	7.09	25.41	841.2	0.09	2.12	283.56	0	283.56
KhaiQuang	6	6	12	2023	16.21	4.78	7.1	25.32	240.42	0.09	1.99	309.91	185.48	495.39
KhaiQuang	7	6	12	2023	16.2	5.04	7.09	25.41	626.4	0.09	1.95	308.93	190.16	499.09
KhaiQuang	8	6	12	2023	16.2	4.67	7.08	25.4	96.19	0.09	1.88	280.96	190.13	471.08
KhaiQuang	9	6	12	2023	16.21	4.94	7.1	25.36	305.27	0.09	1.78	304.54	79.31	383.85
KhaiQuang	10	6	12	2023	16.2	4.81	7.07	25.45	422.72	0.09	1.76	152.72	0	152.72
KhaiQuang	11	6	12	2023	16.26	5.33	7.08	25.38	284.83	0.09	1.72	286.9	190.34	477.24
KhaiQuang	12	6	12	2023	16.25	5.52	7.07	25.5	881.27	0.09	1.72	311.57	190.35	501.92
KhaiQuang	13	6	12	2023	16.26	4.7	7.07	25.53	18.87	0.09	1.76	311.46	190.03	501.49
KhaiQuang	14	6	12	2023	16.26	5.65	7.1	25.58	605.2	0.09	1.76	311.69	190.1	501.79
KhaiQuang	15	6	12	2023	16.22	4.75	7.12	25.58	198.1	0.09	1.74	287.6	174.65	462.25
KhaiQuang	16	6	12	2023	16.23	4.68	7.14	25.56	125.88	0.09	1.74	313.27	174.1	487.37
KhaiQuang	17	6	12	2023	16.26	5.51	7.09	25.64	829.98	0.09	1.78	315.23	190.27	505.5
KhaiQuang	18	6	12	2023	16.29	4.94	7.08	25.57	269.59	0.09	1.79	313.13	142.27	455.41
KhaiQuang	19	6	12	2023	16.26	5.37	7.09	25.61	602.41	0.09	1.8	314.48	190.07	504.54
KhaiQuang	20	6	12	2023	16.32	5.9	7.1	25.56	400.8	0.09	1.77	260.08	190.05	450.13
KhaiQuang	21	6	12	2023	16.34	5.55	7.11	25.49	551.09	0.09	1.75	314.52	142.39	456.91
KhaiQuang	22	6	12	2023	16.31	4.98	7.08	25.58	414.1	0.09	1.77	315.9	174.52	490.42
KhaiQuang	23	6	12	2023	16.37	5.24	7.09	25.49	279.56	0.09	1.75	316.13	190.12	506.25
KhaiQuang	0	7	12	2023	16.33	5.36	7.08	25.51	885.43	0.09	1.76	263.13	158.24	421.37
KhaiQuang	1	7	12	2023	16.34	4.52	7.08	25.45	25.81	0.09	1.75	316.25	190.31	506.56
KhaiQuang	2	7	12	2023	16.35	6.25	7.1	25.42	721.84	0.09	1.75	314.58	190.33	504.91
KhaiQuang	3	7	12	2023	16.37	5.22	7.1	25.41	417.97	0.09	1.79	312.16	79.33	391.49
KhaiQuang	4	7	12	2023	16.38	4.9	7.11	25.36	126.26	0.09	1.71	309.6	0	309.6
KhaiQuang	5	7	12	2023	16.37	5.41	7.1	25.4	871.74	0.09	1.67	256.48	0	256.48
KhaiQuang	6	7	12	2023	16.39	4.69	7.09	25.35	247.97	0.09	1.64	305.43	126.72	432.16
KhaiQuang	7	7	12	2023	16.36	5.02	7.1	25.37	625.57	0.09	1.62	304.1	190.2	494.3
KhaiQuang	8	7	12	2023	16.36	4.89	7.1	25.34	98.52	0.09	1.62	284.71	190.05	474.76

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	9	7	12	2023	16.38	5.14	7.08	25.29	303.78	0.09	1.58	303.6	142.56	446.16
KhaiQuang	10	7	12	2023	16.37	5.62	7.01	25.39	435.11	0.09	1.56	279.56	190.03	469.58
KhaiQuang	11	7	12	2023	16.43	5.5	7.05	25.44	281.95	0.09	1.54	297.99	190.08	488.07
KhaiQuang	12	7	12	2023	16.39	5.72	7.02	25.58	887.35	0.09	1.52	306.81	158.47	465.27
KhaiQuang	13	7	12	2023	16.39	4.46	7.04	25.68	13.68	0.09	1.5	296.23	190.07	486.31
KhaiQuang	14	7	12	2023	16.38	6.24	7.07	25.75	713.83	0.1	1.49	246.93	190.43	437.37
KhaiQuang	15	7	12	2023	16.37	5	7.09	25.71	431.68	0.12	1.48	300.17	160.97	461.15
KhaiQuang	16	7	12	2023	16.37	4.63	7.13	25.72	109.48	0.12	1.47	309.26	189.89	499.15
KhaiQuang	17	7	12	2023	16.36	5.3	7.09	25.73	804.9	0.09	1.47	301.39	190.12	491.51
KhaiQuang	18	7	12	2023	16.37	4.58	7.11	25.69	244.07	0.09	1.48	307.25	158.48	465.72
KhaiQuang	19	7	12	2023	16.34	5.04	7.09	25.68	625.12	0.09	1.49	298.84	190.21	489.05
KhaiQuang	20	7	12	2023	16.38	5.58	7.1	25.63	409.34	0.09	1.49	252.88	126.57	379.45
KhaiQuang	21	7	12	2023	16.4	5.27	7.11	25.6	525.72	0.09	1.48	302.6	0	302.6
KhaiQuang	22	7	12	2023	16.36	4.78	7.08	25.61	415.17	0.09	1.49	277.04	0	277.04
KhaiQuang	23	7	12	2023	16.4	4.96	7.11	25.54	253.55	0.1	1.48	301.96	174.22	476.18
KhaiQuang	0	8	12	2023	16.38	5.08	7.09	25.54	807.65	0.11	1.48	278	190.2	468.2
KhaiQuang	1	8	12	2023	16.4	4.47	7.1	25.48	29.31	0.12	1.48	304.98	190.12	495.1
KhaiQuang	2	8	12	2023	16.4	5.57	7.12	25.44	643.65	0.12	1.48	303.53	190.36	493.89
KhaiQuang	3	8	12	2023	16.39	4.83	7.1	25.41	256.5	0.12	1.48	303.81	126.73	430.54
KhaiQuang	4	8	12	2023	16.4	4.78	7.13	25.34	116.93	0.11	1.48	302.37	190.13	492.49
KhaiQuang	5	8	12	2023	16.41	5.55	7.08	25.34	866.27	0.09	1.48	252.38	189.88	442.26
KhaiQuang	6	8	12	2023	16.43	4.68	7.09	25.32	266.79	0.09	1.48	0	142.54	142.54
KhaiQuang	7	8	12	2023	16.39	5	7.08	25.31	623.9	0.09	1.49	0	174.51	174.51
KhaiQuang	8	8	12	2023	16.42	5.48	7.09	25.27	375.23	0.09	1.48	131.42	190.28	321.71
KhaiQuang	9	8	12	2023	16.45	5.43	7.12	25.27	317.45	0.1	1.47	313.24	126.69	439.93
KhaiQuang	10	8	12	2023	16.54	7.85	7.1	25.3	16.43	0.12	1.49	285.28	190.05	475.33
KhaiQuang	11	8	12	2023	16.67	6.68	7.11	25.43	258.93	0.12	1.49	310.62	190.37	500.99
KhaiQuang	12	8	12	2023	16.57	5.23	7.09	25.5	713.49	0.13	1.49	310.52	95.08	405.6
KhaiQuang	13	8	12	2023	16.55	4.49	7.09	25.65	7.93	0.13	1.48	308.51	110.84	419.35
KhaiQuang	14	8	12	2023	16.55	6.19	7.11	25.72	680.22	0.12	1.48	309.56	190.09	499.65
KhaiQuang	15	8	12	2023	16.53	5.01	7.1	25.67	400.8	0.09	1.48	286.03	174	460.03
KhaiQuang	16	8	12	2023	16.52	4.71	7.13	25.7	104.56	0.09	1.48	312.41	190.17	502.58
KhaiQuang	17	8	12	2023	16.51	5.32	7.1	25.67	814.89	0.1	1.49	312.51	189.97	502.48
KhaiQuang	18	8	12	2023	16.51	4.72	7.12	25.64	133.79	0.1	1.5	311.94	126.83	438.77
KhaiQuang	19	8	12	2023	16.48	4.97	7.11	25.62	610.08	0.11	1.51	310.65	174.42	485.07
KhaiQuang	20	8	12	2023	16.5	5.51	7.09	25.59	417.68	0.12	1.52	258.68	190.15	448.83
KhaiQuang	21	8	12	2023	16.5	5.48	7.11	25.58	551.07	0.13	1.53	305.9	31.72	337.62
KhaiQuang	22	8	12	2023	16.43	4.85	7.08	25.57	422.76	0.13	1.53	281.21	15.78	296.99
KhaiQuang	23	8	12	2023	16.47	5.01	7.1	25.54	269.09	0.13	1.53	308.13	190.11	498.24
KhaiQuang	0	9	12	2023	16.43	5.12	7.11	25.51	828.62	0.13	1.54	285.02	190.07	475.08
KhaiQuang	1	9	12	2023	16.45	4.54	7.09	25.47	28.93	0.11	1.54	313.07	190.13	503.19
KhaiQuang	2	9	12	2023	16.45	5.78	7.1	25.46	646.72	0.09	1.54	311.93	189.87	501.8
KhaiQuang	3	9	12	2023	16.44	4.95	7.1	25.45	276.75	0.09	1.55	311.58	126.83	438.41
KhaiQuang	4	9	12	2023	16.45	4.78	7.11	25.43	107.01	0.09	1.55	310.37	190.17	500.54
KhaiQuang	5	9	12	2023	16.45	5.59	7.09	25.42	870.84	0.09	1.55	282.94	190.24	473.18
KhaiQuang	6	9	12	2023	16.47	4.66	7.08	25.42	267.08	0.1	1.56	309.26	158.35	467.61
KhaiQuang	7	9	12	2023	16.42	4.96	7.09	25.42	618.58	0.12	1.56	305.14	190.16	495.3
KhaiQuang	8	9	12	2023	16.46	5.37	7.08	25.41	374.73	0.12	1.56	303.87	190.12	493.98
KhaiQuang	9	9	12	2023	16.47	5.49	7.09	25.42	499.07	0.12	1.56	300.04	63.43	363.48
KhaiQuang	10	9	12	2023	16.49	7.21	7.08	25.48	441.19	0.12	1.57	24.69	0	24.69
KhaiQuang	11	9	12	2023	16.62	6.77	7.08	25.57	270.98	0.09	1.56	104.86	126.87	231.73

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	12	9	12	2023	16.55	5.47	7.1	25.67	752.33	0.09	1.56	314.12	190.13	504.25
KhaiQuang	13	9	12	2023	16.54	4.45	7.08	25.78	11.08	0.1	1.55	313.57	190.17	503.73
KhaiQuang	14	9	12	2023	16.52	4.98	7.08	25.88	347.45	0.1	1.55	312.28	190.28	502.55
KhaiQuang	15	9	12	2023	16.52	4.62	7.07	25.83	83.3	0.11	1.56	288.37	174.32	462.69
KhaiQuang	16	9	12	2023	16.52	4.56	7.08	25.82	96.48	0.11	1.56	315.88	190.4	506.28
KhaiQuang	17	9	12	2023	16.51	6	7.05	25.9	864.27	0.12	1.57	316.18	174.34	490.52
KhaiQuang	18	9	12	2023	16.5	4.58	7.04	25.9	259.98	0.12	1.58	317.45	95.16	412.61
KhaiQuang	19	9	12	2023	16.46	4.88	7.04	25.91	602.04	0.13	1.6	315.54	190.34	505.88
KhaiQuang	20	9	12	2023	16.5	6.13	7.04	25.9	431.4	0.12	1.61	265.19	186.84	452.03
KhaiQuang	21	9	12	2023	16.51	5.48	7.06	25.92	589.77	0.09	1.61	317.13	165.07	482.2
KhaiQuang	22	9	12	2023	16.46	4.99	7.04	25.9	424.37	0.09	1.62	297.07	179.99	477.06
KhaiQuang	23	9	12	2023	16.51	5.11	7.04	25.91	288.36	0.1	1.61	318.31	194.98	513.29
KhaiQuang	0	10	12	2023	16.48	5.73	7.03	25.94	917.52	0.11	1.62	291.47	199.34	490.82
KhaiQuang	1	10	12	2023	16.51	5.03	7.03	25.93	29.33	0.12	1.62	318.02	190.13	508.15
KhaiQuang	2	10	12	2023	16.53	6.53	7.04	25.94	713.66	0.12	1.62	316.55	174.24	490.79
KhaiQuang	3	10	12	2023	16.54	5.12	7.05	25.96	466.24	0.09	1.62	316.31	79.47	395.77
KhaiQuang	4	10	12	2023	16.53	4.68	7.04	25.96	97.92	0.1	1.62	315.93	190.12	506.05
KhaiQuang	5	10	12	2023	16.51	5.51	7.02	25.97	887.17	0.1	1.63	263.24	190.03	453.27
KhaiQuang	6	10	12	2023	16.54	4.79	7.01	26.01	271.06	0.11	1.62	316.2	174.22	490.43
KhaiQuang	7	10	12	2023	16.5	5.26	7.01	25.97	613.1	0.11	1.63	312.89	190.08	502.98
KhaiQuang	8	10	12	2023	16.53	5.27	7.01	25.97	372.66	0.12	1.63	312.34	174.56	486.9
KhaiQuang	9	10	12	2023	16.48	5.48	7.13	25.98	464.18	0.11	1.62	308.48	79.38	387.86
KhaiQuang	10	10	12	2023	16.37	4.85	7.04	25.99	466.08	0.09	1.63	246.87	0	246.87
KhaiQuang	11	10	12	2023	16.41	5.02	6.99	26.06	287.69	0.1	1.63	304.72	126.77	431.49
KhaiQuang	12	10	12	2023	16.41	5.4	7	26.11	914.3	0.09	1.64	277.71	110.8	388.51
KhaiQuang	13	10	12	2023	16.42	4.65	6.99	26.16	23.39	0.09	1.64	300.38	189.94	490.32
KhaiQuang	14	10	12	2023	16.42	5.02	6.99	26.21	448.22	0.09	1.64	294.18	174.25	468.43
KhaiQuang	15	10	12	2023	16.49	7.08	6.95	26.19	281.2	0.09	1.64	126.13	79.14	205.28
KhaiQuang	16	10	12	2023	16.52	5.73	6.97	26.17	88.39	0.09	1.63	0	0	0
KhaiQuang	17	10	12	2023	16.53	5.62	6.95	26.24	841.52	0.09	1.63	0	51.73	51.73
KhaiQuang	18	10	12	2023	16.53	5.41	6.99	26.27	219.63	0.1	1.63	0	189.93	189.93
KhaiQuang	19	10	12	2023	16.51	5.12	6.97	26.24	97.61	0.09	1.64	131.33	190.02	321.35
KhaiQuang	20	10	12	2023	16.54	5.88	6.98	26.22	240.86	0.09	1.64	311.84	174.06	485.9
KhaiQuang	21	10	12	2023	16.58	6.63	7.07	26.21	182.64	0.1	1.64	307.44	0	307.44
KhaiQuang	22	10	12	2023	16.67	7.54	7.03	26.2	20.27	0.09	1.65	302.45	0	302.45
KhaiQuang	23	10	12	2023	16.71	6.15	7.04	26.24	272.15	0.09	1.64	25.07	0	25.07
KhaiQuang	0	11	12	2023	16.6	5.38	7	26.25	848.94	0.09	1.64	0	0	0
KhaiQuang	1	11	12	2023	16.58	4.52	6.99	26.24	29.86	0.09	1.64	0	0	0
KhaiQuang	2	11	12	2023	16.58	4.8	7.01	26.24	192.5	0.09	1.64	0	0	0
KhaiQuang	3	11	12	2023	16.58	4.75	7.01	26.21	17.56	0.09	1.64	0	0	0
KhaiQuang	4	11	12	2023	16.58	4.78	7.03	26.21	26.18	0.09	1.63	130.76	95.02	225.77
KhaiQuang	5	11	12	2023	16.58	4.85	7.03	26.18	23.77	0.09	1.63	309.6	190.37	499.98
KhaiQuang	6	11	12	2023	16.58	4.71	7.04	26.19	9.98	0.09	1.61	306.12	79.35	385.47
KhaiQuang	7	11	12	2023	16.6	5.63	7.04	26.18	279.85	0.09	1.6	301.18	0	301.18
KhaiQuang	8	11	12	2023	16.61	5.41	7.05	26.16	253.7	0.1	1.6	49.72	0	49.72
KhaiQuang	9	11	12	2023	16.59	5.39	7.08	26.16	370.39	0.1	1.59	0	0	0
KhaiQuang	10	11	12	2023	16.54	5.07	7.04	26.2	441.59	0.09	1.61	0	0	0
KhaiQuang	11	11	12	2023	16.57	5.05	7.04	26.24	11.9	0.09	1.6	261.25	111.13	372.38
KhaiQuang	12	11	12	2023	16.58	4.83	7.05	26.29	8.28	0.1	1.59	288.19	190.23	478.42
KhaiQuang	13	11	12	2023	16.58	4.71	7.05	26.33	7.26	0.1	1.58	314.18	189.9	504.08
KhaiQuang	14	11	12	2023	16.57	5.28	7.05	26.36	383.06	0.1	1.57	312.93	190.16	503.09

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	15	11	12	2023	16.54	5	7.02	26.34	171	0.09	1.56	281.28	126.63	407.92
KhaiQuang	16	11	12	2023	16.56	4.88	7.03	26.34	76.94	0.1	1.55	315.84	190.33	506.18
KhaiQuang	17	11	12	2023	16.59	6.44	7.01	26.4	876.5	0.1	1.56	316.43	190.11	506.53
KhaiQuang	18	11	12	2023	16.56	4.84	7.03	26.39	264.49	0.1	1.56	317.19	142.47	459.67
KhaiQuang	19	11	12	2023	16.55	5.04	7.02	26.41	586.6	0.09	1.57	317.19	189.82	507.01
KhaiQuang	20	11	12	2023	16.57	6.24	7	26.39	436.72	0.09	1.58	266.63	190.14	456.77
KhaiQuang	21	11	12	2023	16.58	5.52	7.03	26.38	581.01	0.1	1.57	319.76	142.57	462.33
KhaiQuang	22	11	12	2023	16.57	5.14	6.98	26.4	433.48	0.09	1.59	318.83	191.79	510.62
KhaiQuang	23	11	12	2023	16.59	5.16	7	26.39	287.48	0.09	1.59	316.96	200.11	517.07
KhaiQuang	0	12	12	2023	16.58	5.86	6.99	26.42	934.98	0.09	1.6	262.68	100.12	362.8
KhaiQuang	1	12	12	2023	16.59	4.64	6.96	26.41	31.42	0.09	1.6	317.39	133.32	450.71
KhaiQuang	2	12	12	2023	16.61	7.91	6.98	26.41	712.93	0.1	1.6	316.08	200.1	516.18
KhaiQuang	3	12	12	2023	16.63	5.7	6.97	26.42	471.02	0.1	1.6	316.21	183.45	499.66
KhaiQuang	4	12	12	2023	16.63	4.84	6.99	26.42	82.12	0.1	1.6	315.04	200.22	515.26
KhaiQuang	5	12	12	2023	16.62	5.77	6.98	26.44	872.26	0.09	1.6	261.95	196.77	458.72
KhaiQuang	6	12	12	2023	16.61	4.82	7	26.43	167.36	0.1	1.6	307.98	126.5	434.48
KhaiQuang	7	12	12	2023	16.62	5.14	6.99	26.46	596.17	0.09	1.61	309.74	174.32	484.07
KhaiQuang	8	12	12	2023	16.66	5.87	6.95	26.47	399.17	0.1	1.61	301.02	174.5	475.52
KhaiQuang	9	12	12	2023	16.69	5.22	6.99	26.5	547.86	0.1	1.6	303.65	0	303.65
KhaiQuang	10	12	12	2023	16.56	4.93	6.94	26.53	467.08	0.1	1.61	274.45	0	274.45
KhaiQuang	11	12	12	2023	16.53	5.37	6.92	26.53	258.44	0.1	1.61	304.99	47.52	352.51
KhaiQuang	12	12	12	2023	16.54	5.82	6.92	26.62	802.22	0.09	1.61	281.15	190.17	471.32
KhaiQuang	13	12	12	2023	16.54	4.74	6.9	26.65	22.81	0.1	1.61	307.9	190.12	498.02
KhaiQuang	14	12	12	2023	16.54	5.26	6.92	26.72	440.89	0.1	1.59	307.33	174.19	481.52
KhaiQuang	15	12	12	2023	16.52	4.8	6.9	26.74	288.29	0.1	1.6	298.59	126.76	425.35
KhaiQuang	16	12	12	2023	16.54	4.85	6.92	26.68	78.27	0.1	1.6	310.52	190	500.52
KhaiQuang	17	12	12	2023	16.57	6.5	6.92	26.75	873.03	0.1	1.6	311.67	190	501.68
KhaiQuang	18	12	12	2023	16.56	5.14	6.96	26.73	269.37	0.1	1.61	312.55	190.1	502.65
KhaiQuang	19	12	12	2023	16.53	5.21	6.92	26.74	588.47	0.1	1.62	308.98	190.14	499.12
KhaiQuang	20	12	12	2023	16.56	5.97	6.91	26.72	436.88	0.1	1.63	274.59	189.94	464.53
KhaiQuang	21	12	12	2023	16.57	5.62	6.97	26.71	569.94	0.1	1.63	303.97	31.6	335.57
KhaiQuang	22	12	12	2023	16.55	5.24	6.91	26.72	436.69	0.1	1.64	298.19	0	298.19
KhaiQuang	23	12	12	2023	16.58	5.1	6.91	26.69	278.27	0.1	1.64	307.41	162.24	469.65
KhaiQuang	0	13	12	2023	16.55	5.6	6.92	26.7	904.37	0.11	1.64	274.22	190.32	464.54
KhaiQuang	1	13	12	2023	16.55	4.45	6.9	26.67	32.92	0.1	1.64	309.27	190.47	499.75
KhaiQuang	2	13	12	2023	16.55	5.38	6.9	26.65	624.98	0.1	1.64	308.78	190.27	499.05
KhaiQuang	3	13	12	2023	16.55	4.85	6.9	26.64	284.01	0.1	1.64	296.13	126.65	422.77
KhaiQuang	4	13	12	2023	16.56	4.61	6.92	26.61	78.92	0.1	1.64	308.11	190.15	498.26
KhaiQuang	5	13	12	2023	16.56	5.58	6.9	26.65	882.94	0.1	1.65	280.27	190.22	470.5
KhaiQuang	6	13	12	2023	16.58	4.64	6.93	26.64	271.99	0.1	1.65	305.94	158.38	464.32
KhaiQuang	7	13	12	2023	16.55	5.06	6.92	26.65	584.9	0.1	1.65	301.12	189.87	490.98
KhaiQuang	8	13	12	2023	16.59	6.35	6.89	26.64	394.46	0.1	1.65	302.24	189.82	492.07
KhaiQuang	9	13	12	2023	16.59	5.38	6.96	26.64	474.35	0.1	1.64	300.98	126.96	427.94
KhaiQuang	10	13	12	2023	16.55	5.03	6.93	26.74	462.43	0.1	1.65	299.59	190.21	489.8
KhaiQuang	11	13	12	2023	16.58	5.13	6.93	26.77	278.33	0.1	1.64	307.14	190.02	497.16
KhaiQuang	12	13	12	2023	16.56	5.68	6.95	26.88	893.78	0.1	1.63	304.19	158.41	462.6
KhaiQuang	13	13	12	2023	16.58	5.34	6.93	26.95	20.26	0.1	1.62	305.18	190.2	495.38
KhaiQuang	14	13	12	2023	16.58	6.93	6.95	27.03	683.18	0.1	1.63	302.73	190.28	493.01
KhaiQuang	15	13	12	2023	16.56	5.02	6.94	27.06	432.59	0.1	1.63	277.18	79.23	356.42
KhaiQuang	16	13	12	2023	16.56	4.54	6.96	27.08	73.16	0.1	1.62	301	126.91	427.91
KhaiQuang	17	13	12	2023	16.55	5.52	6.93	27.09	877.03	0.1	1.63	303.52	189.96	493.48

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	18	13	12	2023	16.56	4.96	6.95	27.08	247.79	0.1	1.63	305.15	158.34	463.49
KhaiQuang	19	13	12	2023	16.53	5.23	6.92	27.06	568.65	0.1	1.64	304.99	190.29	495.28
KhaiQuang	20	13	12	2023	16.55	5.12	6.89	27.02	396.42	0.1	1.65	301.14	190.12	491.26
KhaiQuang	21	13	12	2023	16.55	4.99	6.93	26.99	390.11	0.1	1.65	304.82	142.5	447.32
KhaiQuang	22	13	12	2023	16.53	4.8	6.89	27.01	446.63	0.1	1.68	304.82	190.1	494.92
KhaiQuang	23	13	12	2023	16.55	4.84	6.83	26.99	254.85	0.1	1.68	304.97	190.13	495.1
KhaiQuang	0	14	12	2023	16.53	5.37	6.77	27.01	904.83	0.1	1.69	277.5	158.65	436.15
KhaiQuang	1	14	12	2023	16.53	4.37	6.71	26.97	34.14	0.1	1.69	305.63	190.14	495.77
KhaiQuang	2	14	12	2023	16.55	6.03	6.67	26.96	703.33	0.1	1.69	303.61	190.12	493.72
KhaiQuang	3	14	12	2023	16.56	4.99	6.71	26.97	454.13	0.1	1.69	277.17	79.15	356.32
KhaiQuang	4	14	12	2023	16.56	4.52	6.7	26.94	78.57	0.1	1.69	49.87	0	49.87
KhaiQuang	5	14	12	2023	16.55	5.68	6.65	26.94	872.18	0.1	1.7	0	0	0
KhaiQuang	6	14	12	2023	16.55	4.6	6.64	26.95	249.23	0.1	1.7	0	126.85	126.85
KhaiQuang	7	14	12	2023	16.53	4.88	6.62	26.9	286.35	0.1	1.7	114.78	189.9	304.68
KhaiQuang	8	14	12	2023	16.53	4.56	6.59	26.88	15.61	0.1	1.7	312.32	190.43	502.75
KhaiQuang	9	14	12	2023	16.53	4.92	6.65	26.85	110.79	0.1	1.7	309.23	126.76	435.98
KhaiQuang	10	14	12	2023	16.52	6.28	7.1	26.89	23.28	0.1	1.7	286.5	190.15	476.65
KhaiQuang	11	14	12	2023	16.54	5.72	7.09	26.98	270.98	0.1	1.69	314.5	190	504.5
KhaiQuang	12	14	12	2023	16.52	5.17	7.06	27.08	918.81	0.1	1.68	313.93	190.21	504.13
KhaiQuang	13	14	12	2023	16.53	4.36	7.07	27.17	23.63	0.1	1.68	315.2	190.23	505.43
KhaiQuang	14	14	12	2023	16.53	6.01	7.12	27.22	661.77	0.1	1.68	313.37	190.07	503.45
KhaiQuang	15	14	12	2023	16.53	4.97	7.17	27.21	463.48	0.1	1.68	260.49	95.1	355.59
KhaiQuang	16	14	12	2023	16.53	4.56	7.21	27.22	66.11	0.11	1.68	311.18	79.31	390.48
KhaiQuang	17	14	12	2023	16.53	5.35	7.17	27.25	893.33	0.11	1.69	287.82	189.77	477.59
KhaiQuang	18	14	12	2023	16.54	4.62	7.18	27.24	278.83	0.1	1.69	314.23	190.15	504.38
KhaiQuang	19	14	12	2023	16.52	5.04	7.19	27.23	567.28	0.1	1.71	312.06	174.37	486.42
KhaiQuang	20	14	12	2023	16.55	5.32	7.2	27.17	396.41	0.1	1.72	286.48	189.64	476.12
KhaiQuang	21	14	12	2023	16.56	5.06	7.25	27.13	344.97	0.1	1.72	311.33	126.67	437.99
KhaiQuang	22	14	12	2023	16.54	4.84	7.19	27.19	475.04	0.11	1.74	310.36	189.85	500.21
KhaiQuang	23	14	12	2023	16.56	4.9	7.21	27.14	278.17	0.11	1.75	309.36	190.57	499.93
KhaiQuang	0	15	12	2023	16.54	5.57	7.19	27.18	937.26	0.12	1.76	280.99	158.44	439.43
KhaiQuang	1	15	12	2023	16.55	4.45	7.2	27.14	41.63	0.1	1.76	308.13	190.37	498.5
KhaiQuang	2	15	12	2023	16.56	5.77	7.23	27.12	671.48	0.1	1.76	304.68	189.92	494.59
KhaiQuang	3	15	12	2023	16.58	5.23	7.23	27.11	448.39	0.1	1.76	305.07	158.42	463.49
KhaiQuang	4	15	12	2023	16.59	5.13	7.25	27.08	68.63	0.1	1.76	303.39	189.88	493.27
KhaiQuang	5	15	12	2023	16.58	5.65	7.22	27.12	907.62	0.1	1.77	278.11	190.18	468.29
KhaiQuang	6	15	12	2023	16.59	4.49	7.2	27.11	257.29	0.1	1.77	213.27	94.97	308.25
KhaiQuang	7	15	12	2023	16.59	4.81	7.21	27.12	577.3	0.1	1.78	0	0	0
KhaiQuang	8	15	12	2023	16.62	5.52	7.21	27.11	415.3	0.1	1.78	0	95.04	95.04
KhaiQuang	9	15	12	2023	16.65	5.6	7.21	27.08	413.34	0.1	1.78	156.91	190.31	347.22
KhaiQuang	10	15	12	2023	16.62	5.5	7.17	27.13	181.67	0.1	1.79	309.24	174.1	483.34
KhaiQuang	11	15	12	2023	16.65	5.1	7.22	27.18	167.24	0.1	1.78	313.97	189.92	503.88
KhaiQuang	12	15	12	2023	16.64	5.06	7.18	27.23	318.44	0.1	1.77	308.1	110.95	419.05
KhaiQuang	13	15	12	2023	16.64	4.56	7.21	27.31	9.63	0.1	1.76	314.03	189.96	503.98
KhaiQuang	14	15	12	2023	16.65	6.51	7.21	27.37	667.06	0.1	1.75	306.38	174.17	480.55
KhaiQuang	15	15	12	2023	16.66	5.17	7.16	27.42	506.2	0.11	1.75	288.48	189.87	478.35
KhaiQuang	16	15	12	2023	16.67	4.94	7.19	27.45	60.43	0.11	1.75	316.57	189.89	506.47
KhaiQuang	17	15	12	2023	16.66	5.36	7.15	27.45	880.36	0.1	1.77	313.99	190.22	504.21
KhaiQuang	18	15	12	2023	16.65	4.58	7.2	27.43	237.39	0.1	1.77	314.63	94.99	409.62
KhaiQuang	19	15	12	2023	16.64	5.06	7.17	27.45	568.31	0.1	1.79	309.23	0	309.23
KhaiQuang	20	15	12	2023	16.68	5.73	7.16	27.44	442.68	0.1	1.8	265.93	158.67	424.59

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	21	15	12	2023	16.7	5.56	7.19	27.43	496.34	0.1	1.8	309.92	190.03	499.95
KhaiQuang	22	15	12	2023	16.66	4.96	7.14	27.45	487.8	0.1	1.8	311.23	189.97	501.2
KhaiQuang	23	15	12	2023	16.68	4.97	7.16	27.4	214.12	0.11	1.76	312.19	190.2	502.39
KhaiQuang	0	16	12	2023	16.67	5.4	7.14	27.43	712.56	0.11	1.74	286.98	142.34	429.32
KhaiQuang	1	16	12	2023	16.67	4.6	7.13	27.39	42.62	0.11	1.74	315.11	190.1	505.21
KhaiQuang	2	16	12	2023	16.69	6.35	7.15	27.38	679.75	0.11	1.73	314.71	174.13	488.84
KhaiQuang	3	16	12	2023	16.73	5.47	7.14	27.42	502.71	0.11	1.73	314.36	158.43	472.78
KhaiQuang	4	16	12	2023	16.73	4.92	7.15	27.41	67.04	0.12	1.73	313.34	174.06	487.4
KhaiQuang	5	16	12	2023	16.7	6.03	7.13	27.42	915.21	0.13	1.74	259	190.02	449.02
KhaiQuang	6	16	12	2023	16.71	4.66	7.16	27.36	247.83	0.14	1.75	310.77	111	421.77
KhaiQuang	7	16	12	2023	16.7	5.2	7.14	27.42	572.98	0.13	1.76	305.88	189.95	495.83
KhaiQuang	8	16	12	2023	16.74	5.78	7.13	27.42	418.1	0.13	1.76	279.58	173.68	453.26
KhaiQuang	9	16	12	2023	16.76	5.74	7.16	27.44	472.55	0.11	1.75	301.08	0	301.08
KhaiQuang	10	16	12	2023	16.71	5.12	7.13	27.48	500.53	0.11	1.76	301.58	0	301.58
KhaiQuang	11	16	12	2023	16.74	5.16	7.17	27.38	238.49	0.11	1.75	149.79	173.71	323.5
KhaiQuang	12	16	12	2023	16.73	5.13	7.16	27.47	771.39	0.11	1.75	0	94.98	94.98
KhaiQuang	13	16	12	2023	16.73	4.67	7.16	27.33	26.64	0.11	1.76	0	0	0
KhaiQuang	14	16	12	2023	16.74	5.46	7.2	27.2	474.55	0.11	1.78	236.52	110.56	347.08
KhaiQuang	15	16	12	2023	16.73	5.02	7.23	27.16	75.27	0.11	1.81	314.24	174.07	488.31
KhaiQuang	16	16	12	2023	16.74	4.87	7.25	27.05	48.93	0.11	1.84	316.44	189.94	506.38
KhaiQuang	17	16	12	2023	16.74	5.41	7.22	26.92	454.18	0.11	1.88	315.21	190.08	505.29
KhaiQuang	18	16	12	2023	16.73	4.56	7.23	26.83	29.16	0.1	1.9	318.69	142.68	461.38
KhaiQuang	19	16	12	2023	16.73	5.4	7.22	26.75	560.26	0.1	1.93	314.13	190.07	504.21
KhaiQuang	20	16	12	2023	16.76	6.02	7.18	26.63	447.03	0.1	1.95	262.26	190.27	452.53
KhaiQuang	21	16	12	2023	16.75	5.72	7.19	26.61	494.2	0.1	1.97	312.72	95.03	407.74
KhaiQuang	22	16	12	2023	16.73	5.24	7.17	26.52	488.37	0.1	2	311.38	0	311.38
KhaiQuang	23	16	12	2023	16.75	5.28	7.19	26.31	272.16	0.1	2	312.58	78.99	391.57
KhaiQuang	0	17	12	2023	16.74	6.19	7.16	26.32	886.63	0.1	2.03	283.67	190.16	473.83
KhaiQuang	1	17	12	2023	16.74	5.02	7.16	26.16	45.73	0.1	2.04	308.1	174.09	482.19
KhaiQuang	2	17	12	2023	16.75	5.26	7.18	26.08	411.04	0.1	2.05	307.87	190.08	497.95
KhaiQuang	3	17	12	2023	16.76	5.1	7.16	25.99	309.26	0.1	2.08	305.89	142.73	448.63
KhaiQuang	4	17	12	2023	16.76	4.79	7.2	25.63	60.22	0.1	2.07	306.58	189.82	496.41
KhaiQuang	5	17	12	2023	16.78	6.63	7.16	25.86	935.34	0.1	2.1	276.14	190.21	466.35
KhaiQuang	6	17	12	2023	16.74	4.82	7.15	25.78	281.77	0.1	2.1	302.65	63.24	365.89
KhaiQuang	7	17	12	2023	16.75	5.39	7.15	25.78	572.23	0.1	2.11	249.42	0	249.42
KhaiQuang	8	17	12	2023	16.77	6.62	7.15	25.65	435.52	0.1	2.12	0	142.52	142.52
KhaiQuang	9	17	12	2023	16.77	6.42	7.22	25.52	523.12	0.11	2.11	0	95.11	95.11
KhaiQuang	10	17	12	2023	16.75	5.5	7.14	25.6	461.43	0.11	2.12	0	190.18	190.18
KhaiQuang	11	17	12	2023	16.76	5.22	7.19	25.38	204.94	0.11	2.12	130.64	142.47	273.11
KhaiQuang	12	17	12	2023	16.73	4.66	7.21	25.39	38.52	0.12	2.11	308.58	0	308.58
KhaiQuang	13	17	12	2023	16.73	4.54	7.22	25.39	10.78	0.12	2.1	282.73	0	282.73
KhaiQuang	14	17	12	2023	16.74	5.7	7.23	25.34	487.77	0.12	2.1	303.77	0	303.77
KhaiQuang	15	17	12	2023	16.74	5.71	7.23	25.32	174.08	0.12	2.09	279.7	78.99	358.69
KhaiQuang	16	17	12	2023	16.77	5.54	7.25	25.29	42.62	0.12	2.09	303.76	190.2	493.96
KhaiQuang	17	17	12	2023	16.77	5.9	7.19	25.4	659.4	0.12	2.11	304.07	189.97	494.04
KhaiQuang	18	17	12	2023	16.77	5.39	7.19	25.2	18.52	0.12	2.12	303.22	95.29	398.51
KhaiQuang	19	17	12	2023	16.8	6.17	7.19	25.24	534.24	0.11	2.12	142.28	189.92	332.2
KhaiQuang	20	17	12	2023	16.83	7.23	7.15	25.14	439.28	0.09	2.14	0	111.02	111.02
KhaiQuang	21	17	12	2023	16.77	5.82	7.2	24.99	442.87	0.1	2.13	0	0	0
KhaiQuang	22	17	12	2023	16.78	5.35	7.17	25.22	335.97	0.09	2.15	0	0	0
KhaiQuang	23	17	12	2023	16.78	5.69	7.21	24.93	225.32	0.09	2.15	183.79	0	183.79

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	0	18	12	2023	16.76	5.03	7.24	24.84	122.62	0.1	2.15	311.81	95.08	406.89
KhaiQuang	1	18	12	2023	16.76	4.9	7.25	24.81	10.98	0.1	2.16	312.48	190.03	502.52
KhaiQuang	2	18	12	2023	16.78	5.55	7.25	24.83	326.27	0.1	2.16	309.42	190.23	499.65
KhaiQuang	3	18	12	2023	16.79	5.48	7.2	24.93	111.72	0.09	2.17	309.08	158.65	467.73
KhaiQuang	4	18	12	2023	16.81	5.63	7.23	24.74	36.65	0.09	2.17	306.23	190.09	496.32
KhaiQuang	5	18	12	2023	16.8	6.77	7.19	24.86	901.29	0.09	2.18	279.69	190.2	469.89
KhaiQuang	6	18	12	2023	16.76	5.44	7.18	24.58	266.57	0.1	2.18	304.84	94.96	399.8
KhaiQuang	7	18	12	2023	16.81	5.86	7.16	24.85	558.16	0.1	2.18	225.8	0	225.8
KhaiQuang	8	18	12	2023	16.82	6.5	7.15	24.81	414.03	0.09	2.19	0	0	0
KhaiQuang	9	18	12	2023	16.8	6.24	7.21	24.55	441.4	0.1	2.17	0	0	0
KhaiQuang	10	18	12	2023	16.85	7.45	7.15	25	418.28	0.1	2.16	75.47	47.57	123.04
KhaiQuang	11	18	12	2023	16.94	7.61	7.17	24.85	11.61	0.1	2.15	312.16	190.15	502.31
KhaiQuang	12	18	12	2023	16.98	7.21	7.2	24.8	8.14	0.1	2.14	309.22	190.1	499.32
KhaiQuang	13	18	12	2023	17.01	6.92	7.23	24.8	8.48	0.1	2.13	313.43	190.23	503.67
KhaiQuang	14	18	12	2023	17	7.31	7.24	24.79	538.29	0.1	2.12	308.15	189.96	498.11
KhaiQuang	15	18	12	2023	16.82	7.1	7.28	24.87	349.27	0.1	2.11	286.81	146.32	433.13
KhaiQuang	16	18	12	2023	16.69	5.98	7.14	24.77	30.81	0.1	2.1	312.59	190.27	502.86
KhaiQuang	17	18	12	2023	16.71	6.85	7.13	24.89	904.54	0.1	2.1	311.85	190.39	502.24
KhaiQuang	18	18	12	2023	16.67	5.5	7.15	24.53	293.23	0.1	2.09	313.22	158.59	471.81
KhaiQuang	19	18	12	2023	16.7	5.84	7.15	24.84	542.62	0.1	2.09	310.23	190.12	500.36
KhaiQuang	20	18	12	2023	16.74	7.43	7.14	24.82	449.02	0.1	2.1	276.66	189.94	466.6
KhaiQuang	21	18	12	2023	16.73	6.43	7.2	24.58	448.48	0.11	2.08	311.1	158.58	469.68
KhaiQuang	22	18	12	2023	16.74	5.84	7.16	24.91	500.92	0.12	2.09	285.27	190.1	475.37
KhaiQuang	23	18	12	2023	16.75	6.09	7.19	24.65	268.63	0.12	2.08	310.58	190.23	500.82
KhaiQuang	0	19	12	2023	16.78	7.5	7.18	24.73	881.62	0.1	2.07	283.58	158.6	442.18
KhaiQuang	1	19	12	2023	16.83	8.18	7.18	24.66	59.28	0.1	2.09	310.06	190.39	500.45
KhaiQuang	2	19	12	2023	16.84	8.39	7.2	24.58	622.65	0.1	2.08	307.97	190.22	498.19
KhaiQuang	3	19	12	2023	16.81	6.13	7.18	24.59	513.97	0.1	2.08	311.25	158.77	470.02
KhaiQuang	4	19	12	2023	16.81	5.32	7.2	24.51	32.12	0.1	2.09	309.32	190.24	499.56
KhaiQuang	5	19	12	2023	16.82	7.05	7.16	24.63	924.27	0.1	2.11	282.52	190.17	472.69
KhaiQuang	6	19	12	2023	16.81	5.37	7.17	24.39	264.83	0.1	2.11	308.36	95.07	403.43
KhaiQuang	7	19	12	2023	16.82	5.75	7.16	24.52	560.22	0.1	2.11	304.15	0	304.15
KhaiQuang	8	19	12	2023	16.84	6.39	7.14	24.46	425.36	0.1	2.13	302.35	0	302.35
KhaiQuang	9	19	12	2023	16.85	6.11	7.16	24.32	459.47	0.1	2.11	300.33	190.51	490.84
KhaiQuang	10	19	12	2023	16.85	7.27	7.12	24.55	523.8	0.1	2.12	0	190.44	190.44
KhaiQuang	11	19	12	2023	16.85	5.87	7.15	24.28	26.57	0.1	2.1	0	190.09	190.09
KhaiQuang	12	19	12	2023	16.85	6.04	7.15	24.33	550.41	0.1	2.1	78.99	142.71	221.7
KhaiQuang	13	19	12	2023	16.85	6.06	7.15	24.28	20.26	0.1	2.1	308.22	190.37	498.59
KhaiQuang	14	19	12	2023	16.87	6.45	7.17	24.22	319.08	0.1	2.08	312.06	190.28	502.33
KhaiQuang	15	19	12	2023	16.87	5.81	7.13	24.28	280.34	0.11	2.08	287.77	158.52	446.29
KhaiQuang	16	19	12	2023	16.86	5.45	7.15	24.27	24.46	0.1	2.08	313.26	190.45	503.71
KhaiQuang	17	19	12	2023	16.85	7.96	7.14	24.32	914.11	0.1	2.09	314.32	190.12	504.43
KhaiQuang	18	19	12	2023	16.82	5.59	7.16	24.07	303.59	0.11	2.08	315.74	142.74	458.48
KhaiQuang	19	19	12	2023	16.81	6.25	7.15	24.15	538.06	0.11	2.1	315.87	190.27	506.14
KhaiQuang	20	19	12	2023	16.84	6.71	7.14	24.09	453.48	0.11	2.11	263.77	190.21	453.98
KhaiQuang	21	19	12	2023	16.86	6.39	7.12	24.05	462.41	0.12	2.1	314	31.71	345.71
KhaiQuang	22	19	12	2023	16.82	5.97	7.11	24.15	506.38	0.11	2.12	314.86	0	314.86
KhaiQuang	23	19	12	2023	16.84	6.13	7.13	23.92	256.35	0.11	2.1	315.95	175.13	491.08
KhaiQuang	0	20	12	2023	16.81	6.34	7.13	23.97	840.77	0.1	2.11	289.37	190.28	479.66
KhaiQuang	1	20	12	2023	16.8	5.28	7.12	23.86	62.55	0.1	2.13	299.91	189.99	489.9
KhaiQuang	2	20	12	2023	16.82	6.57	7.14	23.79	558.42	0.11	2.12	315.65	190.18	505.82

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	3	20	12	2023	16.81	5.43	7.1	23.91	356.12	0.1	2.15	315.34	142.55	457.89
KhaiQuang	4	20	12	2023	16.82	5.19	7.12	23.79	21	0.11	2.14	312.77	189.88	502.65
KhaiQuang	5	20	12	2023	16.85	8.27	7.09	23.85	927.78	0.11	2.15	284.92	190.07	474.99
KhaiQuang	6	20	12	2023	16.86	6.65	7.09	23.72	290	0.11	2.13	311.34	142.67	454.01
KhaiQuang	7	20	12	2023	16.87	7.01	7.08	23.84	546.02	0.11	2.14	308.65	189.93	498.58
KhaiQuang	8	20	12	2023	16.86	6.76	7.06	23.81	417.01	0.11	2.16	307.83	190.32	498.14
KhaiQuang	9	20	12	2023	16.85	6.05	7.07	23.7	441.39	0.11	2.13	305.47	94.94	400.41
KhaiQuang	10	20	12	2023	16.83	6.72	7.05	23.92	533.88	0.11	2.16	280.65	158.46	439.11
KhaiQuang	11	20	12	2023	16.86	6.19	7.06	23.78	260.47	0.11	2.14	305.02	190.35	495.37
KhaiQuang	12	20	12	2023	16.82	5.77	7.05	23.97	883.18	0.11	2.12	303.32	95.12	398.43
KhaiQuang	13	20	12	2023	16.83	5.08	7.03	24.01	33.05	0.11	2.1	277.87	63.39	341.27
KhaiQuang	14	20	12	2023	16.81	6.8	7.06	23.99	592.56	0.11	2.06	302.64	190.13	492.77
KhaiQuang	15	20	12	2023	16.75	6.91	7.04	24.03	462.95	0.11	2.04	303.96	190.28	494.23
KhaiQuang	16	20	12	2023	16.76	6.65	7.09	23.97	12.6	0.11	2.02	305.41	189.97	495.37
KhaiQuang	17	20	12	2023	16.74	6.27	7.04	24.05	871.33	0.11	2.04	302.58	190.23	492.82
KhaiQuang	18	20	12	2023	16.74	5.69	7.12	23.9	117.11	0.11	2.03	302.5	95	397.5
KhaiQuang	19	20	12	2023	16.73	5.68	7.07	23.99	533.94	0.11	2.05	199.34	0	199.34
KhaiQuang	20	20	12	2023	16.74	6.35	7.07	23.94	460.02	0.11	2.06	0	79.32	79.32
KhaiQuang	21	20	12	2023	16.74	5.65	7.11	23.84	463.63	0.11	2.04	78.72	174.45	253.18
KhaiQuang	22	20	12	2023	16.72	5.4	7.06	23.95	374.96	0.11	2.08	313.9	190.18	504.08
KhaiQuang	23	20	12	2023	16.73	5.46	7.14	23.75	160.14	0.11	2.07	313.95	174.77	488.72
KhaiQuang	0	21	12	2023	16.72	5.83	7.14	23.76	305.03	0.11	2.07	287.6	142.45	430.05
KhaiQuang	1	21	12	2023	16.72	5.35	7.16	23.69	14.6	0.11	2.09	288.11	197.83	485.94
KhaiQuang	2	21	12	2023	16.74	6.99	7.16	23.63	623.94	0.11	2.09	309.27	183.92	493.18
KhaiQuang	3	21	12	2023	16.75	5.83	7.03	23.66	546.99	0.1	2.11	311.51	115.91	427.42
KhaiQuang	4	21	12	2023	16.75	5.2	7.11	23.58	14.12	0.11	2.11	307.17	190.07	497.23
KhaiQuang	5	21	12	2023	16.75	6.87	7.09	23.52	904.52	0.11	2.11	282.16	189.93	472.09
KhaiQuang	6	21	12	2023	16.75	5.43	7.13	23.36	272.39	0.1	2.1	309.84	142.47	452.32
KhaiQuang	7	21	12	2023	16.75	5.72	7.1	23.44	539.27	0.1	2.13	305.98	190.32	496.3
KhaiQuang	8	21	12	2023	16.76	6.13	7.08	23.38	424.27	0.1	2.15	305.97	174.4	480.37
KhaiQuang	9	21	12	2023	16.76	5.81	7.1	23.33	418.61	0.11	2.13	302.19	95.13	397.32
KhaiQuang	10	21	12	2023	16.74	5.78	7.05	23.41	524.73	0.11	2.14	275.04	0	275.04
KhaiQuang	11	21	12	2023	16.76	5.99	7.11	23.29	263.36	0.12	2.11	74.63	63.38	138.01
KhaiQuang	12	21	12	2023	16.75	6.12	7.06	23.45	887.87	0.12	2.1	0	174.41	174.41
KhaiQuang	13	21	12	2023	16.76	5.69	7.06	23.44	35.99	0.13	2.1	0	190.08	190.08
KhaiQuang	14	21	12	2023	16.76	6.11	7.1	23.45	229.02	0.12	2.07	303.58	190.11	493.69
KhaiQuang	15	21	12	2023	16.76	6.09	7.1	23.38	24.74	0.11	2.05	287.24	158.68	445.93
KhaiQuang	16	21	12	2023	16.77	6.1	7.15	23.24	8.24	0.11	2.05	312.36	190.4	502.76
KhaiQuang	17	21	12	2023	16.77	6.68	7.09	23.41	593.92	0.11	2.08	286.66	190.4	477.06
KhaiQuang	18	21	12	2023	16.75	5.39	7.08	23.39	271.84	0.11	2.1	317.22	158.48	475.7
KhaiQuang	19	21	12	2023	16.75	5.72	7.07	23.38	508.18	0.11	2.1	315.07	190.26	505.33
KhaiQuang	20	21	12	2023	16.77	7.24	7.07	23.31	468.23	0.1	2.11	260.73	126.53	387.26
KhaiQuang	21	21	12	2023	16.75	5.96	7.07	23.25	512.02	0.1	2.12	311.35	0	311.35
KhaiQuang	22	21	12	2023	16.75	5.62	7	23.37	511.22	0.1	2.15	286.06	79.49	365.55
KhaiQuang	23	21	12	2023	16.76	5.77	7.07	23.22	244.18	0.1	2.14	312.92	190.42	503.33
KhaiQuang	0	22	12	2023	16.76	5.76	7.03	23.26	790.33	0.1	2.15	285.57	174.4	459.97
KhaiQuang	1	22	12	2023	16.75	5.04	7.05	23.15	74.01	0.1	2.16	285.83	174.57	460.4
KhaiQuang	2	22	12	2023	16.76	6.48	7.07	23.06	574.94	0.1	2.16	301.62	190.43	492.05
KhaiQuang	3	22	12	2023	16.75	5.4	7.02	23.1	402.76	0.1	2.19	282.15	142.93	425.08
KhaiQuang	4	22	12	2023	16.76	5.14	7.07	22.96	12.79	0.1	2.18	300.85	190.44	491.29
KhaiQuang	5	22	12	2023	16.78	6.48	7.02	22.98	912.12	0.1	2.21	281.68	190.2	471.88

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	6	22	12	2023	16.76	5.24	7.06	22.83	277.43	0.1	2.2	301.56	158.48	460.04
KhaiQuang	7	22	12	2023	16.76	5.51	7.01	22.89	527.97	0.1	2.22	305.48	174.28	479.76
KhaiQuang	8	22	12	2023	16.77	5.82	7	22.77	431.04	0.1	2.23	270.67	142.81	413.47
KhaiQuang	9	22	12	2023	16.76	5.55	7.04	22.65	435.05	0.1	2.2	300.58	0	300.58
KhaiQuang	10	22	12	2023	16.76	5.45	6.97	22.88	523.87	0.1	2.2	266.13	0	266.13
KhaiQuang	11	22	12	2023	16.76	5.49	7.02	22.74	240.41	0.11	2.14	302.14	47.43	349.57
KhaiQuang	12	22	12	2023	16.77	5.37	6.99	22.99	799.92	0.11	2.1	289.62	174.53	464.15
KhaiQuang	13	22	12	2023	16.76	5.05	7	22.99	26.83	0.11	2.06	278.78	190.07	468.84
KhaiQuang	14	22	12	2023	16.77	5.44	6.99	23.13	349.26	0.11	2.01	295.58	189.93	485.52
KhaiQuang	15	22	12	2023	16.74	5.67	6.95	23.11	329.88	0.11	1.97	264.48	174.08	438.56
KhaiQuang	16	22	12	2023	16.68	5.27	6.98	22.73	5.93	0.12	1.95	302.94	190.07	493.01
KhaiQuang	17	22	12	2023	16.7	7.13	6.99	23.09	894.02	0.11	2	281.06	190.27	471.33
KhaiQuang	18	22	12	2023	16.68	5.68	7.09	22.94	269.43	0.11	2.02	309	162.68	471.68
KhaiQuang	19	22	12	2023	16.68	5.7	7.01	23.04	500.71	0.11	2.05	306.33	190.27	496.59
KhaiQuang	20	22	12	2023	16.69	6.9	7.03	22.93	472.23	0.11	2.07	281.57	189.82	471.39
KhaiQuang	21	22	12	2023	16.68	6.09	7.07	22.78	503.37	0.11	2.08	307.22	126.78	433.99
KhaiQuang	22	22	12	2023	16.69	5.77	6.96	22.99	506.96	0.11	2.13	282.54	190.26	472.8
KhaiQuang	23	22	12	2023	16.69	5.82	7.05	22.76	266.42	0.11	2.13	308.65	190.11	498.76
KhaiQuang	0	23	12	2023	16.68	5.81	7.01	22.82	856.23	0.11	2.14	307.99	158.48	466.47
KhaiQuang	1	23	12	2023	16.68	5.06	7.03	22.7	75.57	0.11	2.17	285.1	190.05	475.15
KhaiQuang	2	23	12	2023	16.69	7.03	7.05	22.6	611.95	0.11	2.18	309.9	190.24	500.14
KhaiQuang	3	23	12	2023	16.69	5.9	7.03	22.63	523.11	0.1	2.21	257.63	142.82	400.45
KhaiQuang	4	23	12	2023	16.69	5.26	7.07	22.52	13.79	0.1	2.21	307.69	174.12	481.81
KhaiQuang	5	23	12	2023	16.7	6.5	7	22.59	903.67	0.1	2.23	280.81	189.78	470.59
KhaiQuang	6	23	12	2023	16.69	5.31	7.05	22.43	255.37	0.1	2.22	304.87	63.29	368.16
KhaiQuang	7	23	12	2023	16.69	5.64	7	22.52	518.24	0.1	2.21	200.48	0	200.48
KhaiQuang	8	23	12	2023	16.7	6.15	7	22.47	430.74	0.1	2.24	0	0	0
KhaiQuang	9	23	12	2023	16.7	5.73	7.03	22.38	407.54	0.1	2.19	0	95.22	95.22
KhaiQuang	10	23	12	2023	16.67	5.51	6.99	22.55	423.13	0.1	2.2	105.18	190.45	295.63
KhaiQuang	11	23	12	2023	16.68	5.35	7.03	22.54	8.89	0.11	2.16	313.51	190.53	504.03
KhaiQuang	12	23	12	2023	16.68	5.25	7.06	22.66	3.99	0.11	2.12	312.21	158.09	470.3
KhaiQuang	13	23	12	2023	16.69	5.17	7.08	22.78	2.34	0.11	2.07	286.15	190	476.15
KhaiQuang	14	23	12	2023	16.7	6.67	7.06	22.79	577.91	0.11	2.02	309.14	190.02	499.17
KhaiQuang	15	23	12	2023	16.71	6.54	6.96	22.84	487.96	0.11	1.97	256.6	79.12	335.72
KhaiQuang	16	23	12	2023	16.71	5.93	6.95	22.8	6.45	0.11	1.93	306.23	31.68	337.91
KhaiQuang	17	23	12	2023	16.7	6.69	6.93	22.8	915.4	0.11	1.94	279.03	189.86	468.89
KhaiQuang	18	23	12	2023	16.69	5.29	6.93	22.65	262.97	0.11	1.96	306.47	174.32	480.78
KhaiQuang	19	23	12	2023	16.69	5.81	6.89	22.72	488.22	0.11	1.99	303.04	190.23	493.27
KhaiQuang	20	23	12	2023	16.72	6.78	6.87	22.66	408.73	0.11	2.03	278.57	190.34	468.92
KhaiQuang	21	23	12	2023	16.7	5.71	6.89	22.56	253.48	0.11	2.03	302.71	126.6	429.31
KhaiQuang	22	23	12	2023	16.7	5.87	6.84	22.64	514.45	0.11	2.06	279.94	190.06	470
KhaiQuang	23	23	12	2023	16.71	5.93	6.87	22.49	268.03	0.11	2.05	308.06	190.42	498.47
KhaiQuang	0	24	12	2023	16.7	6.09	6.85	22.54	865.65	0.11	2.06	308.42	158.13	466.55
KhaiQuang	1	24	12	2023	16.7	5.45	6.82	22.49	76.93	0.1	2.08	283.59	174.33	457.92
KhaiQuang	2	24	12	2023	16.72	6.8	6.88	22.42	610.42	0.1	2.07	307.93	190.47	498.4
KhaiQuang	3	24	12	2023	16.72	5.78	6.92	22.45	509.38	0.1	2.08	255.87	142.62	398.48
KhaiQuang	4	24	12	2023	16.72	5.11	6.88	22.41	11.3	0.1	2.08	307.14	190.22	497.36
KhaiQuang	5	24	12	2023	16.72	6.47	6.9	22.45	902.35	0.1	2.08	279.17	190.27	469.44
KhaiQuang	6	24	12	2023	16.72	5.02	6.92	22.37	258.16	0.11	2.07	305.13	79.02	384.16
KhaiQuang	7	24	12	2023	16.72	5.57	6.92	22.44	509.92	0.11	2.08	299.53	0	299.53
KhaiQuang	8	24	12	2023	16.75	6.9	6.9	22.44	438.57	0.11	2.09	150.5	190.3	340.8

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	9	24	12	2023	16.74	5.85	6.92	22.38	414.42	0.11	2.06	0	110.81	110.81
KhaiQuang	10	24	12	2023	16.72	6.22	6.92	22.54	522.42	0.11	2.06	0	190.03	190.03
KhaiQuang	11	24	12	2023	16.73	5.8	6.93	22.45	209.57	0.11	2.02	0	190.06	190.06
KhaiQuang	12	24	12	2023	16.71	5.63	6.95	22.46	148.69	0.11	1.98	259.96	0	259.96
KhaiQuang	13	24	12	2023	16.72	5.61	6.96	22.56	6.49	0.11	1.96	284.68	0	284.68
KhaiQuang	14	24	12	2023	16.73	6.45	6.99	22.61	425.98	0.11	1.93	308.3	31.78	340.08
KhaiQuang	15	24	12	2023	16.73	5.9	6.98	22.7	160.53	0.12	1.92	255.72	174.07	429.79
KhaiQuang	16	24	12	2023	16.73	6.02	6.99	22.72	9.33	0.11	1.91	306.4	190.22	496.63
KhaiQuang	17	24	12	2023	16.71	6.08	7	22.71	754.33	0.11	1.92	277.32	190.41	467.72
KhaiQuang	18	24	12	2023	16.71	5.47	7.01	22.62	17.27	0.11	1.92	227.09	79.28	306.37
KhaiQuang	19	24	12	2023	16.71	5.9	7.02	22.65	481.76	0.11	1.95	0	0	0
KhaiQuang	20	24	12	2023	16.71	5.98	7	22.68	454.3	0.11	1.99	0	0	0
KhaiQuang	21	24	12	2023	16.7	5.45	6.99	22.65	390.8	0.11	1.98	0	126.58	126.58
KhaiQuang	22	24	12	2023	16.69	5.68	7.02	22.62	164.84	0.11	1.99	0	190.08	190.08
KhaiQuang	23	24	12	2023	16.69	5.41	7.03	22.57	10.39	0.11	1.99	311.96	142.81	454.77
KhaiQuang	0	25	12	2023	16.7	5.29	7.04	22.54	7.84	0.11	2	307.13	0	307.13
KhaiQuang	1	25	12	2023	16.7	5.21	7.05	22.52	7.34	0.11	2.01	277.17	0	277.17
KhaiQuang	2	25	12	2023	16.71	6.35	7.06	22.51	553.43	0.11	2.01	124.38	0	124.38
KhaiQuang	3	25	12	2023	16.69	5.59	7.05	22.59	337.34	0.11	2.04	0	0	0
KhaiQuang	4	25	12	2023	16.69	5.22	7.04	22.54	13.19	0.11	2.04	0	0	0
KhaiQuang	5	25	12	2023	16.71	6.89	7.06	22.48	447.02	0.11	2.04	0	0	0
KhaiQuang	6	25	12	2023	16.71	6.15	7.07	22.41	14.98	0.11	2.04	0	0	0
KhaiQuang	7	25	12	2023	16.71	5.91	7.08	22.38	10.2	0.11	2.06	182.64	158.31	340.95
KhaiQuang	8	25	12	2023	16.71	5.77	7.09	22.38	8.22	0.11	2.07	284.06	142.72	426.78
KhaiQuang	9	25	12	2023	16.72	5.94	7.09	22.37	101.42	0.11	2.06	307.73	0	307.73
KhaiQuang	10	25	12	2023	16.72	6.62	7.09	22.3	65.52	0.11	2.01	281.13	0	281.13
KhaiQuang	11	25	12	2023	16.73	6.19	7.09	22.29	210.63	0.11	1.98	305.54	0	305.54
KhaiQuang	12	25	12	2023	16.71	6.06	7.07	22.37	715.52	0.11	1.93	303.52	157.01	460.53
KhaiQuang	13	25	12	2023	16.71	5.59	7.05	22.43	34.46	0.12	1.93	278.67	190.11	468.78
KhaiQuang	14	25	12	2023	16.71	5.66	7.11	22.55	337.66	0.12	1.87	302.09	190	492.09
KhaiQuang	15	25	12	2023	16.69	5.63	7.1	22.57	344.36	0.12	1.85	278.07	173.78	451.85
KhaiQuang	16	25	12	2023	16.7	5.44	7.14	22.45	4.68	0.12	1.79	304.43	189.71	494.14
KhaiQuang	17	25	12	2023	16.72	6.98	7.1	22.57	911.08	0.12	1.81	251.15	189.52	440.67
KhaiQuang	18	25	12	2023	16.71	5.65	7.15	22.42	273.27	0.12	1.82	302.31	126.58	428.88
KhaiQuang	19	25	12	2023	16.72	5.83	7.13	22.52	485.09	0.12	1.87	298.56	189.68	488.24
KhaiQuang	20	25	12	2023	16.72	6.39	7.14	22.48	472.17	0.11	1.9	0	189.97	189.97
KhaiQuang	21	25	12	2023	16.71	5.74	7.17	22.4	451.15	0.12	1.9	0	94.79	94.79
KhaiQuang	22	25	12	2023	16.74	5.89	7.11	22.49	492.24	0.11	1.95	78.89	190.03	268.92
KhaiQuang	23	25	12	2023	16.75	5.88	7.16	22.34	259.33	0.11	1.95	312.79	174.19	486.98
KhaiQuang	0	26	12	2023	16.74	5.48	7.16	22.28	264.47	0.11	1.95	310.15	158.58	468.73
KhaiQuang	1	26	12	2023	16.74	5.3	7.19	22.27	13.34	0.11	1.99	286.29	190.33	476.62
KhaiQuang	2	26	12	2023	16.76	7.04	7.19	22.24	582.35	0.11	2	309.23	190.09	499.33
KhaiQuang	3	26	12	2023	16.77	5.95	7.14	22.29	444.14	0.11	2.03	284.77	142.48	427.25
KhaiQuang	4	26	12	2023	16.78	6.08	7.17	22.25	13.28	0.11	2.03	309.49	190.09	499.58
KhaiQuang	5	26	12	2023	16.8	6.92	7.15	22.18	903.22	0.11	2.03	256.73	190.13	446.85
KhaiQuang	6	26	12	2023	16.8	5.54	7.16	22.13	261.1	0.11	2.03	308.43	95.15	403.58
KhaiQuang	7	26	12	2023	16.8	5.88	7.14	22.15	512.7	0.11	2.05	306.93	190.27	497.2
KhaiQuang	8	26	12	2023	16.82	6.15	7.12	22.19	456.33	0.11	2.09	279.54	174.22	453.76
KhaiQuang	9	26	12	2023	16.81	5.71	7.13	22.21	388.47	0.11	2.05	301.91	0	301.91
KhaiQuang	10	26	12	2023	16.82	6.73	7.12	22.26	530.66	0.11	2.02	275.75	0	275.75
KhaiQuang	11	26	12	2023	16.84	6.32	7.14	22.33	235.58	0.11	1.97	302.87	174.33	477.2

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	12	26	12	2023	16.83	6.03	7.09	22.51	775.74	0.11	1.95	300.62	174.25	474.87
KhaiQuang	13	26	12	2023	16.84	5.45	7.1	22.6	31.79	0.12	1.9	276.88	190.13	467.01
KhaiQuang	14	26	12	2023	16.84	6.46	7.13	22.71	512.85	0.12	1.83	298.57	174.08	472.65
KhaiQuang	15	26	12	2023	16.81	5.62	7.1	22.75	363.17	0.12	1.78	275.5	110.78	386.28
KhaiQuang	16	26	12	2023	16.82	5.5	7.14	22.74	5.93	0.12	1.73	299.84	174.04	473.88
KhaiQuang	17	26	12	2023	16.85	6.36	7.09	22.76	912.55	0.12	1.74	249.19	190.33	439.52
KhaiQuang	18	26	12	2023	16.87	5.54	7.09	22.73	278.13	0.12	1.77	299.81	142.58	442.38
KhaiQuang	19	26	12	2023	16.84	5.82	7.07	22.71	486.97	0.12	1.8	301.16	190.03	491.19
KhaiQuang	20	26	12	2023	16.84	5.97	7.08	22.67	461.05	0.12	1.83	278.64	189.91	468.55
KhaiQuang	21	26	12	2023	16.84	5.59	7.11	22.65	360.52	0.12	1.85	302.38	142.44	444.82
KhaiQuang	22	26	12	2023	16.83	5.78	7.06	22.63	519.99	0.12	1.87	277.68	190.18	467.86
KhaiQuang	23	26	12	2023	16.86	5.93	7.09	22.59	266.14	0.11	1.88	301.66	189.93	491.59
KhaiQuang	0	27	12	2023	16.85	5.98	7.07	22.6	836.9	0.11	1.92	25.01	79.27	104.28
KhaiQuang	1	27	12	2023	16.84	5.35	7.08	22.54	82.23	0.11	1.91	0	0	0
KhaiQuang	2	27	12	2023	16.85	6.52	7.1	22.52	545.32	0.11	1.92	26.3	0	26.3
KhaiQuang	3	27	12	2023	16.86	5.77	7.09	22.57	348.95	0.11	1.95	288.97	79.03	368
KhaiQuang	4	27	12	2023	16.85	5.39	7.11	22.51	12.61	0.11	1.95	315.25	174.37	489.62
KhaiQuang	5	27	12	2023	16.89	8.34	7.1	22.4	111.97	0.11	1.94	262.93	189.83	452.77
KhaiQuang	6	27	12	2023	16.91	8.39	7.12	22.32	10.29	0.11	1.96	317.18	142.72	459.9
KhaiQuang	7	27	12	2023	16.91	7.21	7.1	22.33	512.06	0.11	1.99	313.8	190.17	503.97
KhaiQuang	8	27	12	2023	16.9	6.29	7.05	22.4	464.78	0.11	2.02	286.93	174.26	461.19
KhaiQuang	9	27	12	2023	16.9	5.86	7.03	22.5	392.77	0.11	2.03	308.47	0	308.47
KhaiQuang	10	27	12	2023	16.86	6.15	7	22.42	540.58	0.11	1.96	282.28	0	282.28
KhaiQuang	11	27	12	2023	16.9	6.63	7.06	22.54	242.7	0.11	1.92	309.82	158.43	468.25
KhaiQuang	12	27	12	2023	16.88	6.13	7.01	22.71	805.88	0.11	1.9	308.17	174.27	482.43
KhaiQuang	13	27	12	2023	16.87	5.36	7.01	22.81	47.64	0.12	1.84	283.78	189.85	473.63
KhaiQuang	14	27	12	2023	16.84	5.43	7.04	22.97	339.62	0.12	1.79	306.87	189.98	496.85
KhaiQuang	15	27	12	2023	16.71	7.18	7	22.95	364.62	0.12	1.73	283.73	142.41	426.14
KhaiQuang	16	27	12	2023	16.72	6.47	7.06	22.88	5.68	0.12	1.68	311.11	189.84	500.95
KhaiQuang	17	27	12	2023	16.71	6.71	6.99	23.02	923.69	0.12	1.71	275.71	174.21	449.92
KhaiQuang	18	27	12	2023	16.7	5.55	7.03	23.06	278.68	0.12	1.73	314.49	95.17	409.66
KhaiQuang	19	27	12	2023	16.69	5.75	6.98	23.03	495.27	0.12	1.74	312.75	189.68	502.43
KhaiQuang	20	27	12	2023	16.69	6.55	7	23.04	496.33	0.12	1.76	276.88	190.08	466.96
KhaiQuang	21	27	12	2023	16.69	5.81	7.05	23.09	467.57	0.12	1.79	309.76	79.23	388.99
KhaiQuang	22	27	12	2023	16.69	5.85	6.96	22.98	560.02	0.12	1.79	284.04	31.63	315.67
KhaiQuang	23	27	12	2023	16.71	6.12	7.02	23	268.28	0.12	1.81	311.63	189.58	501.22
KhaiQuang	0	28	12	2023	16.7	6.01	7	23	860.27	0.11	1.85	309.69	174.15	483.84
KhaiQuang	1	28	12	2023	16.69	5.26	7.03	22.95	91.31	0.11	1.85	286.77	190.19	476.97
KhaiQuang	2	28	12	2023	16.71	6.37	7.06	22.94	553.9	0.11	1.86	310.15	190.16	500.31
KhaiQuang	3	28	12	2023	16.7	5.54	7.02	22.93	413.79	0.11	1.87	284.93	145.83	430.76
KhaiQuang	4	28	12	2023	16.7	5.2	7.07	22.92	11.88	0.11	1.88	308.32	190.16	498.47
KhaiQuang	5	28	12	2023	16.71	6.42	7.02	22.91	935.07	0.11	1.89	281.17	190.18	471.34
KhaiQuang	6	28	12	2023	16.72	5.38	7.06	22.98	280.26	0.11	1.91	305.27	79.39	384.66
KhaiQuang	7	28	12	2023	16.71	5.61	7.03	22.91	508.48	0.11	1.91	301.75	0	301.75
KhaiQuang	8	28	12	2023	16.71	5.85	7.04	22.92	462.23	0.11	1.91	253.82	158.52	412.34
KhaiQuang	9	28	12	2023	16.7	5.57	7.08	22.98	380.14	0.11	1.91	304.69	142.71	447.4
KhaiQuang	10	28	12	2023	16.68	5.39	7.02	23	546.54	0.11	1.87	279.73	189.97	469.71
KhaiQuang	11	28	12	2023	16.7	5.52	7.08	23.13	200.83	0.12	1.83	305.61	190.12	495.73
KhaiQuang	12	28	12	2023	16.7	5.64	7.04	23.23	652.26	0.12	1.8	303.37	158.27	461.64
KhaiQuang	13	28	12	2023	16.7	5.29	7.04	23.3	44.1	0.12	1.74	278.58	190.05	468.63
KhaiQuang	14	28	12	2023	16.71	6.78	7.08	23.49	572.06	0.13	1.7	300.72	190	490.72

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	15	28	12	2023	16.7	6.01	7.05	23.57	536.48	0.13	1.66	200.01	78.88	278.89
KhaiQuang	16	28	12	2023	16.7	5.35	7.08	23.61	5.97	0.13	1.62	0	0	0
KhaiQuang	17	28	12	2023	16.7	6.08	7.05	23.55	914.27	0.13	1.62	0	47.42	47.42
KhaiQuang	18	28	12	2023	16.7	5.17	7.09	23.62	264.04	0.13	1.66	313.61	174.7	488.31
KhaiQuang	19	28	12	2023	16.71	6.29	7.08	23.52	120.96	0.12	1.68	311.05	189.97	501.02
KhaiQuang	20	28	12	2023	16.72	7.12	7.1	23.45	17.31	0.12	1.71	259.64	190.22	449.86
KhaiQuang	21	28	12	2023	16.72	6.33	7.13	23.45	153.23	0.12	1.74	310.79	158.22	469.02
KhaiQuang	22	28	12	2023	16.7	5.5	7.07	23.41	495.68	0.12	1.77	285.97	190.09	476.07
KhaiQuang	23	28	12	2023	16.71	5.9	7.11	23.43	265.84	0.12	1.78	312.23	190.09	502.33
KhaiQuang	0	29	12	2023	16.7	5.73	7.07	23.47	844.68	0.11	1.82	313.02	142.48	455.49
KhaiQuang	1	29	12	2023	16.7	5.5	7.09	23.41	89.76	0.11	1.82	288.62	190.18	478.79
KhaiQuang	2	29	12	2023	16.72	8.61	7.12	23.41	611.97	0.11	1.83	312.56	190.18	502.74
KhaiQuang	3	29	12	2023	16.71	6.06	7.12	23.44	616.68	0.11	1.85	284.79	79.17	363.96
KhaiQuang	4	29	12	2023	16.71	5.06	7.14	23.41	12.97	0.11	1.85	307.06	0	307.06
KhaiQuang	5	29	12	2023	16.72	6.43	7.08	23.37	933.39	0.11	1.86	277.63	0	277.63
KhaiQuang	6	29	12	2023	16.72	5.3	7.09	23.49	263.32	0.11	1.89	303.87	63.35	367.22
KhaiQuang	7	29	12	2023	16.72	5.73	7.07	23.38	510.27	0.11	1.88	300.85	189.9	490.75
KhaiQuang	8	29	12	2023	16.72	5.52	7.06	23.31	210.92	0.11	1.88	250.66	174.32	424.97
KhaiQuang	9	29	12	2023	16.72	5.82	7.2	23.32	150.82	0.11	1.88	75.08	111.01	186.08
KhaiQuang	10	29	12	2023	16.7	5.36	7.01	23.41	551.04	0.11	1.87	0	189.83	189.83
KhaiQuang	11	29	12	2023	16.72	5.66	6.89	23.5	257.25	0.11	1.84	0	190.1	190.1
KhaiQuang	12	29	12	2023	16.71	5.38	6.77	23.65	502.33	0.12	1.84	287.31	79.18	366.49
KhaiQuang	13	29	12	2023	16.7	4.86	6.69	23.72	11.33	0.12	1.8	285.28	95.02	380.3
KhaiQuang	14	29	12	2023	16.74	6.88	6.61	23.77	460.9	0.12	1.77	309.23	190.03	499.27
KhaiQuang	15	29	12	2023	16.71	5.06	6.58	23.79	248.76	0.12	1.74	283.19	79.08	362.27
KhaiQuang	16	29	12	2023	16.72	5.38	6.85	23.78	11.18	0.12	1.73	307.18	126.63	433.8
KhaiQuang	17	29	12	2023	16.71	5.48	7.02	23.75	899.45	0.12	1.74	282.16	189.91	472.07
KhaiQuang	18	29	12	2023	16.71	4.74	7.05	23.85	151.06	0.12	1.76	308.89	158.38	467.27
KhaiQuang	19	29	12	2023	16.71	5.13	7.04	23.78	486.24	0.12	1.76	306.27	189.62	495.88
KhaiQuang	20	29	12	2023	16.72	5.4	7.05	23.77	466.56	0.12	1.76	255.39	189.67	445.06
KhaiQuang	21	29	12	2023	16.71	5.04	7.07	23.81	301.92	0.12	1.77	304.87	0	304.87
KhaiQuang	22	29	12	2023	16.72	5.55	6.98	23.73	563.56	0.11	1.77	279.67	31.63	311.29
KhaiQuang	23	29	12	2023	16.75	5.62	7.04	23.8	258.84	0.12	1.78	305.26	189.72	494.97
KhaiQuang	0	30	12	2023	16.73	5.41	7.02	23.81	785.53	0.12	1.8	305.54	174.16	479.7
KhaiQuang	1	30	12	2023	16.73	4.94	7.03	23.79	94.53	0.12	1.79	281.65	189.88	471.53
KhaiQuang	2	30	12	2023	16.74	6.4	7.05	23.8	525.9	0.12	1.8	304.66	190.08	494.74
KhaiQuang	3	30	12	2023	16.73	5.35	7.02	23.76	398.28	0.11	1.8	278.89	126.68	405.57
KhaiQuang	4	30	12	2023	16.73	5.14	7.07	23.78	12.86	0.11	1.81	304.57	174.35	478.92
KhaiQuang	5	30	12	2023	16.75	6.26	7.01	23.78	920.68	0.12	1.82	276.99	190.03	467.03
KhaiQuang	6	30	12	2023	16.78	4.98	7.03	23.88	281.63	0.12	1.83	302.63	79.15	381.78
KhaiQuang	7	30	12	2023	16.75	5.17	7	23.8	502.8	0.12	1.83	124	0	124
KhaiQuang	8	30	12	2023	16.76	5.7	6.99	23.79	465.98	0.12	1.83	0	94.94	94.94
KhaiQuang	9	30	12	2023	16.78	5.41	7.02	23.85	355.72	0.12	1.84	0	174.53	174.53
KhaiQuang	10	30	12	2023	16.74	5.26	7.01	23.8	372.81	0.12	1.82	232.71	189.84	422.55
KhaiQuang	11	30	12	2023	16.75	5.06	7.03	23.85	16.54	0.12	1.81	313.23	189.92	503.15
KhaiQuang	12	30	12	2023	16.74	5.04	7.02	23.83	86.3	0.12	1.8	309.17	79.2	388.37
KhaiQuang	13	30	12	2023	16.75	5.06	7.03	23.86	10.06	0.12	1.78	282.68	0	282.68
KhaiQuang	14	30	12	2023	16.78	7.36	7.04	23.95	565.73	0.12	1.78	304.36	114.09	418.45
KhaiQuang	15	30	12	2023	16.78	5.74	6.99	24.1	577.9	0.12	1.78	278.1	79.16	357.26
KhaiQuang	16	30	12	2023	16.78	5.05	7.01	24.14	10.9	0.13	1.76	302.15	174.39	476.54
KhaiQuang	17	30	12	2023	16.77	6.18	7.01	24.08	878.8	0.12	1.75	278.49	190.12	468.61

Tên trạm	Giờ	Ngày	Tháng	Năm	COD	TSS	p H	Temp	LL ra	AMONI	Nitrat	LL vào MĐ1	LL vào MĐ3	LL vào MĐ1+3
KhaiQuang	18	30	12	2023	16.76	5.12	7.03	24.12	113.42	0.12	1.76	304.21	126.66	430.87
KhaiQuang	19	30	12	2023	16.75	5.29	7.01	24.11	484.42	0.12	1.77	302.36	174.22	476.57
KhaiQuang	20	30	12	2023	16.79	5.71	6.97	24.12	481.65	0.12	1.78	274.6	190.04	464.64
KhaiQuang	21	30	12	2023	16.81	5.53	6.96	24.16	313.91	0.12	1.79	175.02	79.07	254.08
KhaiQuang	22	30	12	2023	16.73	5.34	6.95	24.08	561.2	0.12	1.79	0	190.08	190.08
KhaiQuang	23	30	12	2023	16.78	5.54	6.95	24.1	263.09	0.12	1.8	0	174.28	174.28
KhaiQuang	0	31	12	2023	16.76	5.64	6.94	24.11	626.01	0.12	1.81	0	0	0
KhaiQuang	1	31	12	2023	16.75	4.98	6.95	24.1	19.38	0.12	1.81	208.32	0	208.32
KhaiQuang	2	31	12	2023	16.79	5.53	6.94	24.12	239.78	0.12	1.81	307.98	31.56	339.54
KhaiQuang	3	31	12	2023	16.79	5.25	6.92	24.13	131.14	0.12	1.81	281.35	174.29	455.64
KhaiQuang	4	31	12	2023	16.78	5.07	6.93	24.12	12.16	0.12	1.81	305.32	189.67	494.98
KhaiQuang	5	31	12	2023	16.74	5.88	6.92	24.07	598.13	0.12	1.82	279.37	189.63	469
KhaiQuang	6	31	12	2023	16.75	5.01	6.9	24.04	20.8	0.12	1.83	304.34	79.15	383.49
KhaiQuang	7	31	12	2023	16.75	5.23	6.9	24.05	500.03	0.12	1.84	276.3	0	276.3
KhaiQuang	8	31	12	2023	16.78	5.63	6.87	24.09	477.52	0.12	1.84	0	0	0
KhaiQuang	9	31	12	2023	16.81	5.33	6.83	24.17	267.48	0.12	1.84	0	25.02	25.02
KhaiQuang	10	31	12	2023	16.78	5.07	6.85	24.21	66.68	0.12	1.81	0	149.98	149.98
KhaiQuang	11	31	12	2023	16.73	5.54	6.86	24.21	567.73	0.12	1.8	15.79	149.77	165.56
KhaiQuang	12	31	12	2023	16.74	5.12	6.86	24.24	14.45	0.13	1.78	189.93	62.57	252.5
KhaiQuang	13	31	12	2023	16.75	4.99	6.88	24.31	8.44	0.13	1.77	189.81	0	189.81
KhaiQuang	14	31	12	2023	16.81	6.56	6.86	24.46	232.52	0.13	1.74	64.8	0	64.8
KhaiQuang	15	31	12	2023	16.78	5.34	6.82	24.5	120.53	0.13	1.69	209.13	0	209.13
KhaiQuang	16	31	12	2023	16.77	5.22	6.82	24.53	50.7	0.14	1.65	209.29	0	209.29
KhaiQuang	17	31	12	2023	16.74	5.92	6.81	24.47	325.47	0.14	1.64	69.77	0	69.77
KhaiQuang	18	31	12	2023	16.74	5.1	6.8	24.45	12.39	0.13	1.66	209.12	0	209.12
KhaiQuang	19	31	12	2023	16.74	4.95	6.8	24.46	61.8	0.13	1.68	104.85	0	104.85
KhaiQuang	20	31	12	2023	16.73	5.25	6.77	24.47	415.15	0.13	1.71	0	0	0
KhaiQuang	21	31	12	2023	16.74	4.86	6.76	24.45	13.65	0.13	1.73	0	0	0
KhaiQuang	22	31	12	2023	16.74	4.77	6.76	24.45	53.66	0.13	1.74	0	0	0
KhaiQuang	23	31	12	2023	16.75	5.75	6.75	24.44	653.5	0.13	1.75	0	0	0

